

PHẦN MỘT
CÔNG DÂN VỚI VIỆC HÌNH THÀNH THẾ GIỚI QUAN, PHƯƠNG PHÁP
LUA65NKHOA HỌC

Bài 1: THẾ GIỚI QUAN DUY VẬT
VÀ PHƯƠNG PHÁP LUẬN BIỆN CHỨNG (T1)

A. Nội dung bài học

1. Thế giới quan và phương pháp luận.

a. Vai trò của TGQ, PPL của triết học.

- **Khái niệm triết học:** Triết học là hệ thống các quan điểm lý luận chung nhất về thế giới và vị trí của con người trong thế giới.
- **Vai trò của triết học:** Triết học có vai trò là thế giới quan, phương pháp luận cho mọi hoạt động và hoạt động nhận thức con người.

b. Thế giới quan duy vật và thế giới quan duy tâm

- **Thế giới quan:** Thế giới quan là toàn bộ những quan điểm và niềm tin, định hướng hoạt động của con người trong cuộc sống.
- **Vấn đề cơ bản của triết học.**
- **Mặt thứ nhất:**
- Giữa vật chất và ý thức: Cái nào có trước, cái nào có sau? Cái nào quyết định cái nào?
- **Mặt thứ hai:**
- Con người có thể nhận thức và cải tạo thế giới khách quan không?
- **Thế giới quan duy vật cho rằng:** Giữa vật chất và ý thức thì vật chất là cái có trước, cái quyết định ý thức.
- Thế giới vật chất tồn tại khách quan, độc lập với ý thức con người.
- **Thế giới quan duy tâm cho rằng:** ý thức là cái có trước và là cái sản sinh ra thế giới tự nhiên.

Như vậy: TGQ DV là đúng và có vai trò phát triển khoa học, nâng cao vai trò của con người đối với tự nhiên và xã hội.

(T2)

1. Thế giới quan và phương pháp luận.

c. PPL biện chứng và PPL siêu hình.

- **PP:** là cách thức đạt tới mục đích đặt ra.
- **PPL:** là khoa học về phương pháp nghiên cứu.
- **PPL biện chứng:**

- + N.thức SV-HT trong sự vận động và phát triển không ngừng.
- + N.thức SV-HT trong mối liên hệ, ảnh hưởng, ràng buộc nhau.
- **Phương pháp luận biện chứng: xem xét sự vật, hiện tượng trong sự ràng buộc lẫn nhau giữa chúng, trong sự vận động và phát triển không ngừng của chúng.**

- PPL siêu hình:

- + N.thức SV-HT trong trạng thái cô lập, không có sự phát triển.
- + N.thức SV-HT không có sự ràng buộc, tách rời nhau một cách tuyệt đối.
- **Phương pháp luận siêu hình: xem xét sự vật, hiện tượng một cách phiến diện, chỉ thấy chúng tồn tại trong trạng thái cô lập, không vận động, không phát triển, áp dụng một cách máy móc đặc tính của sự vật này vào sự vật khác.**

Như vậy: PPL BC mang tính đúng đắn giúp con người trong nhận thức và cải tạo thế giới.

2. CNDV BC-Sự thống nhất hữu cơ giữa TGQ DV và PPL BC (HS tự đọc).

- Triết học Mác – Lênin đã khắc phục được những hạn chế về thế giới quan duy tâm và phương pháp luận siêu hình; đồng thời kế thừa, cải tạo, phát triển các yếu tố duy vật và biện chứng của các hệ thống triết học trước đó, thực hiện được sự thống nhất hữu cơ giữa thế giới quan duy vật và phương pháp luận biện chứng.

B. Câu hỏi liên hệ

- **HS sưu tầm 1 số câu thành ngữ, tục ngữ hàm chứa PPLBC.**

- + Rút dây động rừng
- + Tre già măng mọc
- + Nước chảy đá mòn
- + Môi hở răng lạnh
- + Có thực mới vực được đạo
- + Sông có khúc, người có lúc

C. Bài tập SGK

Bài 1 (trang 11 sgk Giáo dục công dân 10): Hãy phân tích sự khác nhau giữa đối tượng nghiên cứu giữa Triết học với các môn khoa học cụ thể, cho ví dụ.

Trả lời:

- Đối tượng nghiên cứu của các môn khoa học cụ thể: Mỗi môn khoa học cụ thể đi sâu nghiên cứu một bộ phận, một lĩnh vực riêng biệt nào đó có thể giới.
- + Ví dụ: Hóa học nghiên cứu sự cấu tạo, tính chất, sự biến đổi của các chất.

Sử học nghiên cứu lịch sử của xã hội loài người nói chung hoặc nghiên cứu lịch sử của một quốc gia, một dân tộc nói riêng.

- Đối tượng nghiên cứu của triết học: Triết học nghiên cứu những vấn đề chung nhất, phổ biến nhất của thế giới, là hệ thống các quan điểm lí luận chung nhất về thế giới và vị trí của con người trong thế giới đó.

+ Ví dụ: Triết học nghiên cứu mối quan hệ giữa vật chất và ý thức, giữa tồn tại xã hội và ý thức xã hội, giữa lí luận và thực tiễn, nghiên cứu các quy luật chung nhất về sự vận động và phát triển của sự vật và hiện tượng.

Bài 2 (trang 11 sgk Giáo dục công dân 10): Ở các ví dụ sau, ví dụ nào thuộc kiến thức khoa học cụ thể, ví dụ nào thuộc kiến thức triết học? Vì sao?

- **Bình phương của cạnh huyền bằng tổng bình phương của hai cạnh góc vuông.**
- **Mọi sự vật và hiện tượng đều có quan hệ nhân quả.**
- **Ngày 3/2/1930 là ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam**
- **Ở đâu có áp bức thì ở đó có đấu tranh**

Trả lời:

Các ví dụ thuộc khoa học cụ thể:

- Bình phương của cạnh huyền bằng tổng bình phương của 2 cạnh góc vuông.
- Ngày 3-2-1930 là ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam.
- Vì nó nêu lên đc những sự việc sự vật cụ thể

Ví dụ thuộc kiến thức Triết học:

- Mọi sự vật và hiện tượng đều có quan hệ nhân quả.
- Ở đâu có áp bức thì ở đó có đấu tranh
- Vì nó chỉ nêu lên nét khái quát của các sự việc sự vật

Bài 3 (trang 11 sgk Giáo dục công dân 10): Dựa vào cơ sở nào để phân chia các hệ thống thế giới quan trong Triết học?

Trả lời:

Cơ sở để giải quyết vấn đề cơ bản của Triết học là dựa trên nguyên tắc giải quyết mối quan hệ giữa vật chất và ý thức, giữa tư duy và tồn tại, xem cái nào có trước, cái nào có sau, cái nào quyết định cái nào và con người có nhận thức được thế giới hay không

để phân chia các hệ thống thế giới quan: Thế giới quan duy vật và thế giới quan duy tâm.

- Thế giới quan duy vật khẳng định: Vật chất là bản chất của thế giới. Vật chất là cái có trước, cái quyết định ý thức. Thế giới vật chất là tự có không do ai sáng tạo ra và cũng không mất đi.

- Thế giới quan duy tâm cho rằng: Ý thức là cái có trước và là cái sản sinh ra giới tự nhiên.

Bài 4 (trang 11 sgk Giáo dục công dân 10): Phân tích các yếu tố duy vật, duy âm về thế giới trong truyện và câu dẫn sau:

- **Truyện thần thoại Thần Trụ trời.**

- **“Sống chết có mệnh, giàu sang do trời”. (Khổng tử)**

Trả lời:

- Truyện thần thoại "Thần Trụ trời":

+ Yếu tố duy vật: đất đá, cột chống trời, cách làm cột.

+ Yếu tố duy tâm: thần linh (thần Trụ trời)

- "Sống chết có mệnh, giàu sang do trời."

+ Yếu tố duy vật: sống, chết, giàu, sang.

+ Yếu tố duy tâm: mệnh, trời

Bài 5 (trang 11 sgk Giáo dục công dân 10): Hãy nêu ý kiến của mình về các yếu tố biện chứng, siêu hình về phương pháp luận trong truyện, các câu tục ngữ và thành ngữ sau:

- **Truyện ngụ ngôn Thầy bói xem voi.**

- **Tục ngữ, thành ngữ: Rút dây động rừng, Tre già măng mọc, Mồi hủ răng lạnh, Nước chảy đá mòn.**

Trả lời:

- Truyện ngụ ngôn Thầy bói xem voi: Phương pháp luận siêu hình vì nhìn nhận sự vật phiến diện chỉ thấy chúng tồn tại trong trạng thái cô lập, máy móc, áp đặt, không nhìn một cách tổng thể.

- Các câu tục ngữ thành ngữ: Rút dây động rừng, Tre già măng mọc, Mồi hỏ răng lạnh, Nước chảy đá mòn: Phương pháp luận biện chứng vì các sự vật trong câu có sự ràng buộc với nhau trong sự phát triển vận động không ngừng của chúng.

Chủ đề:

SỰ VẬN ĐỘNG VÀ PHÁT TRIỂN CỦA THẾ GIỚI VẬT CHẤT

• SỰ VẬN ĐỘNG VÀ PHÁT TRIỂN CỦA THẾ GIỚI VẬT CHẤT

A. Nội dung bài học

1. Thế giới vật chất luôn luôn vận động

a. Thế nào là vận động.

- Nhận xét:

- + Mọi SV - HT đều vận động
- + Có trong tự nhiên và xã hội
- + Có thể quan sát trực tiếp hoặc gián tiếp

- Khái niệm: Vận động là sự biến đổi nói chung của các sự vật hiện tượng trong tự nhiên và xã hội.

b. Vận động là phương thức tồn tại của thế giới vật chất.

- Vận động là thuộc tính vốn có, là phương thức tồn tại của các sự vật, hiện tượng.

VD: Sự sống chỉ tồn tại khi có trao đổi chất với môi trường hay trái đất chỉ tồn tại khi tự nó quay quanh trục của nó và xung quanh mặt trời.

- VD là tuyệt đối còn đứng im là tương đối tạm thời.

Kết luận:

Bất kì sự vật, hiện tượng nào cũng luôn luôn vận động. Bằng vận động và thông qua vận động mà sự vật, hiện tượng tồn tại và thể hiện đặc tính của mình.

c. Các hình thức VD cơ bản của thế giới VC (Đọc thêm)

- Vận động cơ học: là sự di chuyển vị trí của các vật trong không gian

VD: Thác nước đang chảy, chim đang bay, quạt đang quay...

- Vận động vật lý: sự vận động của các phân tử, hạt cơ bản

VD: Hoạt động của các điện tích và điện tích...

- Vận động hóa học: quá trình hóa hợp và phân giải các chất

VD: Sự kết hợp giữa Hydro và Oxy tạo thành Nước...

- Vận động sinh học: sự trao đổi chất giữa cơ thể sống với môi trường

VD: Cây phát triển ra hoa kết trái, sự quang hợp của cây xanh...

- Vận động xã hội: sự biến đổi thay thế các xã hội trong lịch sử

VD: 5 hình thái KTXH : CXNT – CHNL – PK – CNTB – CNCS.

2. Thế giới vật chất luôn luôn phát triển.

a. Thế nào là phát triển.

- Phát triển là khái niệm dùng để khái quát những vận động theo chiều hướng tiến lên từ thấp đến cao, từ đơn giản đến phức tạp, từ kém hoàn thiện đến hoàn thiện hơn. Cái mới ra đời thay thế cái cũ, cái tiến bộ thay thế cho cái lạc hậu.

b. Phát triển là khuynh hướng tất yếu của thế giới vật chất.

- Phát triển là khuynh hướng tất yếu của thế giới vật chất.
- Khuynh hướng đó là cái mới ra đời thay thế cái cũ, cái tiến bộ thay thế cái lạc hậu.

*** Bài học:**

- Luôn luôn nhìn nhận sự vật hiện tượng trong trạng thái vận động
- Tuân theo sự VD của quy luật TN và XH
- Luôn ủng hộ cái mới, cái tiến bộ.

B. Câu hỏi liên hệ

C. Bài tập SGK

Bài 1 (trang 23 sgk Giáo dục công dân 10): Theo quan điểm triết học Mác – Lê nin, thế nào là vận động?

Trả lời:

Theo quan điểm triết học Mác – Lê nin, vận động là mọi biến đổi nói chung của các sự vật, hiện tượng trong giới tự nhiên và đời sống xã hội.

Bài 2 (trang 23 sgk Giáo dục công dân 10): Theo quan điểm triết học Mác – Lê nin, thế nào là phát triển?

Trả lời:

Phát triển là một khái niệm dùng để khái quát những vận động theo chiều hướng tiến lên từ thấp đến cao, từ đơn giản đến phức tạp, từ kém hoàn thiện đến hoàn thiện hơn. Cái mới ra đời thay thế cái cũ, cái tiến bộ ra đời thay thế cái lạc hậu.

Bài 3 (trang 23 sgk Giáo dục công dân 10): Hãy chứng minh rằng, vận động là phương thức tồn tại của thế giới vật chất?

Trả lời:

Sự vận động là mọi sự biến đổi nói chung của sự vật, hiện tượng trong tự nhiên và đời sống xã hội.

Mọi sự vật, hiện tượng luôn luôn vận động. Bằng sự vận động và thông qua sự vận động mà các sự vật, hiện tượng tồn tại và thể hiện đặc tính của mình. Không thể có vật chất mà không có vận động và ngược lại.

Theo quan điểm duy vật biện chứng, vận động của các vật chất là tự thân vận động, bởi vì tất cả các dạng vật chất đều là một kết cấu vật chất bao gồm các yếu tố, các mặt, các quá trình liên hệ, tác động qua lại với nhau. Chính sự tác động đó đã dẫn đến sự biến đổi nói chung, tức là vận động. Quan điểm này đối lập với quan điểm duy tâm,

siêu hình về vận động đi tìm nguồn gốc của vận động ở thần linh hoặc ở chủ thể nhận thức.

Vận động là hình thức tồn tại của vật chất nên các dạng vật chất được nhận thức thông qua sự vận động của chúng.

Vận động là một thuộc tính sở hữu của vật chất nên nó không do ai sáng tạo và cũng không thể tiêu diệt được. Nguyên lý này được chứng minh bằng định luật bảo toàn và chuyển hóa năng lượng.

Bài 4 (trang 23 sgk Giáo dục công dân 10): Một học sinh chuyển từ cấp THCS lên cấp THPT có được coi là bước phát triển không? Tại sao?

Trả lời:

Trong phép biện chứng duy vật, khái niệm phát triển dùng để chỉ quá trình vận động theo chiều hướng đi lên của sự vật: từ trình độ thấp lên trình độ cao hơn.

Vậy nên, một học sinh từ cấp THCS lên cấp THPT cũng được xem là bước phát triển. Đây thể hiện trình độ học tập củ học sinh đã tăng lên nên mới được tăng cấp bậc đi học.

Bài 5 (trang 23 sgk Giáo dục công dân 10): Em hãy nêu một vài ví dụ về sự phát triển trên các lĩnh vực nông nghiệp, công nghiệp và đời sống nhân dân của nước ta hiện nay. Trong mỗi ví dụ ấy, cần nói rõ nội dung sự phát triển là gì?

Trả lời:

Trong lĩnh vực nông nghiệp: Có sự xuất hiện của các công cụ mới (máy cày, máy gặt, máy tuốt lúa...) trợ giúp và thay thế dần việc lao động bằng sức người và phát triển về khoa học kĩ thuật.

Trong lĩnh vực công nghiệp: Tự động hóa các dây chuyền sản xuất, xuất hiện các ngành nghề mới như công nghệ thông tin, công nghiệp hóa dầu...để phục vụ cho nhu cầu trong nước và hướng đến xuất khẩu.

Trong đời sống nhân dân: cuộc sống ngày càng được cải thiện và nâng cao cả về vật chất lẫn tinh thần (nhiều gia đình đều đã có tivi, tủ lạnh, máy giặt...., trẻ em được đến trường, có nhiều hoạt động vui chơi lành mạnh.

Trình độ dân trí cũng không ngừng được nâng lên (có nhiều tri thức trẻ, tài năng...). Ý thức người dân cũng dần thay đổi.

Bài 6 (trang 23 sgk Giáo dục công dân 10): Hãy sắp xếp các hiện tượng sau đây theo các hình thức vận động cơ bản của thế giới vật chất từ thấp đến cao?

- a) Sự dao động của con lắc
- b) Sự biến đổi của công cụ lao động từ đồ đá đến kim loại
- c) Ma sát sinh ra nhiệt
- d) Chim bay
- đ) Sự chuyển hóa của các chất hóa học
- e) Cây cối ra hoa, kết quả
- g) Nước bay hơi
- h) Sự trao đổi chất giữa cơ thể với môi trường
- i) Sự thay đổi của các chế độ xã hội từ cộng sản nguyên thủy đến nay.

Trả lời:

Sắp xếp các hiện tượng sau đây theo các hình thức vận động cơ bản của thế giới vật chất từ thấp đến cao:

Vận động cơ học: Chim bay và sự dao động của con lắc

Vận động vật lí: Ma sát sinh ra nhiệt và nước bay hơi

Vận động hóa học: Sự chuyển hóa của các chất hóa học

Vận động sinh học: Sự trao đổi chất giữa cơ thể với môi trường và cây cối ra hoa, kết quả.

Vận động xã hội: Sự biến đổi của công cụ lao động từ đồ đá đến kim loại và sự thay đổi của các chế độ xã hội từ cộng sản nguyên thủy đến nay.

• **NGUỒN GỐC VẬN ĐỘNG, PHÁT TRIỂN CỦA SỰ VẬT VÀ HIỆN TƯỢNG**

A. Nội dung bài học

1. Thế nào là mâu thuẫn (HS tự đọc)

- Mâu thuẫn là một chỉnh thể, trong đó hai mặt đối lập vừa thống nhất với nhau, vừa đấu tranh với nhau.

VD: Điện tích (-) >< điện tích (+) trong một nguyên tử.

Đồng hóa >< dị hóa trong một cơ thể sống.....

a. Mặt đối lập của mâu thuẫn

Mặt đối lập là những khuynh hướng, tính chất, đặc điểm... mà trong quá trình vận động, phát triển của sự vật, hiện tượng, chúng phát triển theo những chiều hướng trái ngược nhau.

b. Sự thống nhất giữa các mặt đối lập: Sự thống nhất giữa hai mặt đối lập là, hai mặt đối lập liên hệ và gắn bó với nhau, làm tiền đề tồn tại cho nhau

c) Sự đấu tranh giữa các mặt đối lập Sự đấu tranh giữa các mặt đối lập là; các mặt đối lập luôn tác động, bài trừ, gạt bỏ nhau.

2. Mâu thuẫn là nguồn gốc vận động, phát triển của sự vật hiện tượng.

a. Giải quyết mâu thuẫn.

- Sự đấu tranh giữa các mặt đối lập là nguồn gốc vận động, phát triển của sự vật hiện tượng.

- Kết quả của đấu tranh giữa các mặt đối lập là mâu thuẫn cũ mất đi và mâu thuẫn mới hình thành.

b. Mâu thuẫn chỉ được giải quyết bằng đấu tranh.

- Mâu thuẫn chỉ có thể giải quyết bằng đấu tranh giữa các mặt đối lập chứ không phải bằng con đường điều hòa mâu thuẫn.

o Bài học:

- Giải quyết mâu thuẫn phải có phương pháp đúng.

- Phân tích điểm mạnh điểm yếu của mặt đối lập.

- Nâng cao nhận thức, phát triển nhân cách

- Biết đấu tranh tự phê bình và phê bình.

B. Câu hỏi liên hệ

Câu 1: Mâu thuẫn là gì? Cho ví dụ. Bản thân em có mâu thuẫn với chính mình không? Ví dụ

Trả lời:

- **Mâu thuẫn** là một chỉnh thể trong đó có hai mặt đối lập vừa thống nhất, đấu tranh với nhau

Ví dụ: Nhận thức: Tích cực >< tiêu cực, đúng >< sai

Học tập: Siêng năng >< lười biếng, Số lượng >< chất lượng

Lối sống: Văn hóa >< Phi văn hóa nghèo >< giàu

- **Bản thân em có mâu thuẫn với chính mình không? Có.** Bởi vì trong mỗi con người luôn tồn tại hai mặt đối lập nhau.

Ví dụ: Yêu thương >< buồn ghét, vui cười >< buồn khóc

Chăm chỉ siêng năng >< biếng nhác, Thiện tâm >< ác tâm

C. Bài tập SGK

Bài 1 (trang 28 sgk Giáo dục công dân 10): Thế nào là mâu thuẫn? Thế nào là mặt đối lập? Những mặt đối lập có quan hệ với nhau như thế nào mới tạo thành mâu thuẫn? Cho ví dụ?

Trả lời:

- Theo triết học Mác – Lê-nin, mâu thuẫn là một chỉnh thể, trong đó hai mặt đối lập vừa thống nhất với nhau, vừa đấu tranh với nhau.

- Mặt đối lập là những khung hướng, tính chất, đặc điểm... mà trong quá trình vận động, phát triển của sự vật và hiện tượng, chúng phát triển theo những chiều hướng trái ngược nhau.

- Trong mâu thuẫn, hai mặt đối lập liên hệ gắn bó với nhau, làm tiền đề tồn tại cho nhau, đồng thời chúng cũng luôn tác động, bài trừ, gạt bỏ lẫn nhau. Đó là sự thống nhất và đấu tranh giữa các mặt đối lập.

Ví dụ: Mọi hoạt động kinh tế đều có mặt sản xuất và mặt tiêu dùng. Chúng thống nhất với nhau tạo thành một chỉnh thể nhưng đồng thời cũng luôn tác động bài trừ nhau. Hoạt động sản xuất tạo ra sản phẩm còn hoạt động tiêu dùng thì lại triệt tiêu sản phẩm.

Bài 2 (trang 28 sgk Giáo dục công dân 10): Thế nào là “thống nhất” giữa các mặt đối lập? Cho ví dụ?

Trả lời:

- Trong mỗi mâu thuẫn, hai mặt đối lập liên hệ gắn bó với nhau, làm tiền đề để tồn tại cho nhau. Triết học gọi đó là sự thống nhất giữa các mặt đối lập.

- Ví dụ: Trong hoạt động kinh tế, mặt sản xuất và tiêu dùng phát triển theo những chiều hướng trái ngược nhau nhưng nếu không có sản xuất thì không có sản phẩm để tiêu dùng; ngược lại, nếu không có tiêu dùng thì sản xuất mất lí do để tồn tại.

Bài 3 (trang 28 sgk Giáo dục công dân 10): Thế nào là “đấu tranh” giữa các mặt đối lập? Cho ví dụ?

Trả lời:

- Trong mỗi mâu thuẫn, sự thống nhất giữa các mặt đối lập không tách rời sự đấu tranh giữa chúng. Vì rằng các mặt đối lập cùng tồn tại bên nhau, vận động và phát triển theo chiều hướng trái ngược nhau, nên chúng luôn luôn tác động, bài trừ, gạt bỏ nhau. Triết học gọi đó là sự đấu tranh giữa các mặt đối lập.

Ví dụ: Trong mỗi xã hội có đối kháng giai cấp luôn có giai cấp thống trị và giai cấp bị trị. Hai giai cấp này là hai mặt đối lập và luôn đấu tranh với nhau để giành quyền lợi về mình.

Bài 4 (trang 28 sgk Giáo dục công dân 10): Em hãy nêu một vài kết luận của bản thân qua việc nghiên cứu sự thống nhất và đấu tranh giữa các mặt đối lập của mâu thuẫn.

Trả lời:

- Trong cuộc sống cần biết phân tích những mâu thuẫn trong nhận thức, trong rèn luyện phẩm chất đạo đức để thấy được các mặt của vấn đề.
- Phải phân biệt đâu là đúng, đâu là sai, cái gì là tiến bộ, cái gì là lạc hậu để nâng cao nhận thức khoa học, phát triển nhân cách.
- Biện pháp thường xuyên để giải quyết mâu thuẫn trong cuộc sống tập thể là phải tiến hành phê bình và tự phê bình, tránh thái độ xuê xoa, “dĩ hòa vi quý”, không dám đấu tranh chống lại những cái lạc hậu, tiêu cực.

Bài 5 (trang 29 sgk Giáo dục công dân 10): Hãy lựa chọn phương án trả lời đúng nhất trong các phương án sau đây.

Bàn về sự phát triển, V.I. Lê-nin viết: “Sự phát triển là một cuộc “đấu tranh” giữa các mặt đối lập”. Câu đó V.I. Lê-nin bàn về:

- a. Hình thức của sự phát triển.
- b. Nội dung của sự phát triển.
- c. Điều kiện của sự phát triển.
- d. Nguyên nhân của sự phát triển.

Trả lời:

Chọn đáp án d. Nguyên nhân của sự phát triển

• **CÁCH THỨC VẬN ĐỘNG, PHÁT TRIỂN CỦA SỰ VẬT VÀ HIỆN TƯỢNG**

A. Nội dung bài học

1. Chất (tự học)

- **Khái niệm chất** dùng để chỉ những thuộc tính cơ bản, vốn có của sự vật và hiện tượng, tiêu biểu cho sự vật và hiện tượng đó phân biệt nó với sự vật và hiện tượng khác.

2. Lượng (tự học).

- **Lượng** là khái niệm dùng để chỉ những thuộc tính cơ bản vốn có của sự vật và hiện tượng biểu thị trình độ phát triển (cao, thấp), quy mô (lớn, nhỏ) tốc độ vận động (nhận, chậm), số lượng (ít, nhiều).. của sự vật và hiện tượng

Ví dụ: Trong điều kiện bình thường, đồng (Cu) ở trạng thái rắn. Nếu ta tăng nhiệt độ đến 1083°C , đồng sẽ nóng chảy chuyển qua thể lỏng.

Ở ví dụ trên:

+ Chất là thể rắn chuyển sang thể lỏng

+ Lượng là nhiệt độ tăng dần lên

3. Quan hệ giữa sự biến đổi về lượng và sự biến đổi về chất.

a. Sự biến đổi về lượng dẫn đến sự biến đổi về chất.

- Sự biến đổi của chất bao giờ cũng bắt đầu từ sự biến đổi về lượng. Lượng biến đổi diễn ra 1 cách dần dần.

* Độ

- Giới hạn mà trong đó sự biến đổi về lượng chưa làm thay đổi về chất cơ bản của sự vật và hiện tượng được gọi là **độ**.

* Điểm nút

- Điểm giới hạn mà tại đó sự biến đổi của lượng làm thay đổi chất của sv và ht được gọi là điểm nút.

VD : Một cơn áp thấp nhiệt đới sức gió mạnh dần lên đến cấp 7 sẽ trở thành bão.

b. Chất mới ra đời lại bao hàm một lượng mới tương ứng

- Sự biến đổi không ngừng về lượng của sự vật và hiện tượng đã dẫn đến sự biến đổi về chất.

- Khi chất mới ra đời lại quy định một lượng mới tương ứng.

- Lượng mới lại dần dần biến đổi trong sự vật và hiện tượng để tạo ra sự biến đổi về chất và ngược lại – đó chính là cách thức vận động và phát triển của sv, hiện tượng.

VD: Lượng của cơn áp thấp nhiệt đới khi đã chuyển thành bão có thay đổi, tốc độ gió mạnh từ cấp 7 đến trên cấp 12, sức gió của nó từ 45km/h trở lên, kèm theo mưa rất to.

4. Rút ra bài học cho bản thân:

Để tạo ra sự biến đổi về chất, nhất thiết phải tạo ra sự biến đổi về lượng đến một giới hạn nhất định:

+ Trong học tập và rèn luyện, chúng ta phải kiên trì nhẫn nại, không coi thường việc nhỏ

+ Mọi hành động nôn nóng hoặc nửa vời đều không đem lại kết quả như mong muốn

B. Câu hỏi liên hệ

Câu 1: Khái niệm: Chất – lượng của sự vật hiện tượng. Cho ví dụ minh họa. Em vận dụng quy luật lượng – chất vào học tập rèn luyện như thế nào?

Trả lời:

- **Chất:** Dùng để chỉ những thuộc tính cơ bản vốn có của sự vật hiện tượng. Tiêu biểu cho sự vật hiện tượng đó. Phân biệt với sự vật hiện tượng khác. Ví dụ: Đường ngọt, chanh chua, muối mặn, gừng cay.
- **Lượng:** Dùng để chỉ những thuộc tính cơ bản của sự vật hiện tượng về trình độ phát triển, quy mô, tốc độ vận động, số lượng của sự vật hiện tượng. Ví dụ: Đi xe nhanh hơn đi bộ, dân số Trung Quốc nhiều hơn dân số Việt Nam, 5kg nặng hơn 3kg...
- **Em vận dụng quy luật lượng – chất vào học tập rèn luyện như:** Chúng ta phải biết kiên trì nhẫn nại, không xem thường việc nhỏ. Tránh hành động nóng vội, đốt cháy giai đoạn, hành động nhất thời, không triệt để tất yếu sẽ mang đến kết quả không tốt đẹp như mong muốn.

Câu 2: Em hãy cho biết mối quan hệ giữa sự biến đổi về lượng dẫn đến sự biến đổi về chất? Ví dụ.

Trả lời:

- Cách thức biến đổi của lượng:
 - Lượng biến đổi trước chất
 - Sự biến đổi về chất của sự vật hiện tượng được bắt đầu từ lượng.
 - Lượng biến đổi chậm, từ từ, dần dần.

Ví dụ:

- Một học sinh lớp 10 qua 9 tháng học tập và rèn luyện phải trải qua kì thi mới được lên lớp 11
- Nhiệt độ < 100 độ thì chưa hóa hơi, đến 100 độ nước bắt đầu hóa hơi.
- **Độ:** Là điểm giới hạn trong đó lượng đổi nhưng chất chưa đổi
Điểm nút: là điểm giới hạn trong đó lượng đổi làm cho chất đổi theo
- **Ví dụ:**
 - Học sinh lớp 10 lên lớp 11, lượng kiến thức, chiều cao, cân nặng, sẽ thay đổi
 - Nước từ trạng thái lỏng chuyển sang trạng thái hơi, thì thể tích vận tốc, độ hòa tan của phân tử nước cũng thay đổi.

C. Bài tập SGK

Bài 1 (trang 33 sgk Giáo dục công dân 10): Thế nào là chất và lượng của sự vật và hiện tượng? Cho ví dụ?

Trả lời:

- Khái niệm chất dùng để chỉ những thuộc tính cơ bản, vốn có của sự vật và hiện tượng, tiêu biểu cho sự vật và hiện tượng đó, phân biệt nó với các sự vật và hiện tượng khác.
- Ví dụ: Nguyên tố đồng có nguyên tử lượng là 63,54đvC, nhiệt độ nóng chảy là 1083, nhiệt độ sôi là 2880°C. Những thuộc tính (tính chất) này nói lên chất riêng của đồng, phân biệt nó với các kim loại khác.

- Khái niệm lượng dùng để chỉ những thuộc tính vốn có của sự vật và hiện tượng, biểu thị trình độ phát triển (cao, thấp), quy mô (lớn, nhỏ), tốc độ vận động (nhanh, chậm), số lượng (ít, nhiều), của sự vật và hiện tượng.

Ví dụ: Đối với mỗi phân tử nước, lượng là số nguyên tử tạo thành nó, tức là 2 nguyên tử Hidro và 1 nguyên tử Oxi.

Bài 2 (trang 33 sgk Giáo dục công dân 10): Sự biến đổi về lượng và sự biến đổi về chất khác nhau như thế nào? Cho ví dụ.

Trả lời:

- Sự khác nhau giữa biến đổi về lượng và biến đổi về chất:

+ Sự biến đổi về chất của các sự vật và hiện tượng bao giờ cũng bắt đầu từ sự biến đổi về lượng. Quá trình biến đổi ấy đều có ảnh hưởng đến trạng thái chất của sự vật và hiện tượng, nhưng chất của sự vật và hiện tượng chưa biến đổi ngay vì chất mang tính ổn định tương đối. Khi sự biến đổi về lượng đạt đến một giới hạn nhất định, phá vỡ sự thống nhất giữa chất và lượng thì chất mới ra đời thay thế chất cũ, sự vật mới ra đời thay thế sự vật cũ.

+ Sự biến đổi về lượng diễn ra dần dần, liên tục, đến một giới hạn nhất định sẽ phá vỡ sự thống nhất giữa chất và lượng, khiến chất biến đổi, tạo thành chất mới. Mỗi sự vật hiện tượng đều có chất đặc trưng và lượng đặc trưng phù hợp với nó. Vì vậy, khi một chất mới ra đời lại bao hàm một lượng mới để tạo thành sự thống nhất mới giữa chất và lượng.

- Ví dụ: Trong điều kiện bình thường, đồng ở trạng thái rắn. Nếu ta tăng dần nhiệt độ đến 1083oC, đồng sẽ nóng chảy, chuyển sang trạng thái lỏng. Nhiệt độ tăng từ 0oC đến 1083oC chính là sự thay đổi về lượng nhưng chất vẫn chưa đổi. Đến điểm nút 1083oC, chất thay đổi, chuyển từ dạng rắn sang dạng lỏng và quy định một lượng mới tương ứng với chất mới.

Bài 3 (trang 33 sgk Giáo dục công dân 10): Trong những câu dưới đây, câu nào thể hiện mối quan hệ lượng đổi dẫn đến chất đổi? Tại sao?

- Chín quá hóa mười

- Có công mài sắt có ngày nên kim

- Kiến tha lâu cũng đầy tổ

- Đánh bòn sang ao

Trả lời:

- Những câu thể hiện mối quan hệ lượng đổi dẫn đến chất đổi là:
- + Chín quá hóa mười: Lượng đã quá nhiều dẫn đến sự thay đổi về chất.
- + Có công mài sắt có ngày nên kim: Sự chăm chỉ cần cù sẽ dẫn đến thành công.
- + Kiên tha lâu cũng đầy tô: Sự cần cù chăm chỉ, kiên nhẫn sẽ dẫn đến kết quả tốt.
- Câu không thể hiện mối quan hệ lượng đổi dẫn đến chất đổi là:
- + Đánh bừa sang ao: Làm việc vô ích.

Bài 4 (trang 33 sgk Giáo dục công dân 10): Trong đoạn văn sau đây, ý nào nói về lượng, ý nào nói về chất của phong trào cách mạng nước ta: Thắng lợi của cuộc cách mạng tháng Tám năm 1945 đã dẫn đến việc thành lập Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. “Đây là kết quả tổng hợp của các phong trào cách mạng liên tục diễn ra trong 15 năm sau ngày thành lập Đảng, từ cao trào Xô – viết Nghệ - Tĩnh, cuộc vận động dân chủ 1936 – 1945, mặc dù cách mạng có những lúc bị chìm trong máu lửa. Chế độ thuộc địa nửa phong kiến ở nước ta bị xóa bỏ, một kỉ nguyên mới mở ra, kỉ nguyên độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội”.

Trả lời:

- Ý nói về chất của phong trào cách mạng: Thắng lợi của cuộc cách mạng tháng Tám năm 1945 đã dẫn đến việc thành lập Nhà nước Việt Nam dân chủ Cộng hòa.
- Ý nói về lượng: Đây là kết quả tổng hợp của các phong trào cách mạng liên tục diễn ra trong 15 năm sau ngày thành lập Đảng, từ cao trào Xô – viết Nghệ - Tĩnh, cuộc vận động dân chủ 1936 – 1945, mặc dù cách mạng có những lúc bị chìm trong máu lửa. Chế độ thuộc địa nửa phong kiến ở nước ta bị xóa bỏ, một kỉ nguyên mới mở ra, kỉ nguyên độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội.

Bài 5 (trang 33 sgk Giáo dục công dân 10): Em hãy nêu một vài ví dụ nói lên sự biến đổi về lượng dẫn đến sự biến đổi về chất trong quá trình học tập và rèn luyện của bản thân.

Trả lời:

Từ một học sinh yếu kém trong học tập, sau khi nhận được sự động viên từ bạn bè, gia đình, thầy cô em đã cố gắng học tập chăm chỉ. Tối nào, em cũng học bài ít nhất 2h, hoàn thành xong bài tập, ôn bài cũ và đọc trước bài của ngày hôm sau. Những ngày nghỉ, em tranh thủ làm thêm các bài tập trong sách bài tập và sách nâng cao.

Hết học kì 1 em đã đạt học sinh khá. Hết năm, em đã trở thành học sinh giỏi. Đây cố gắng thay đổi về lượng (kiến thức, kĩ năng làm bài) dẫn đến sự tiến bộ của bản thân em, giúp em trở nên tốt hơn.

• KHUYNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN CỦA SỰ VẬT VÀ HIỆN TƯỢNG

A. Nội dung bài học

1. Phủ định biện chứng và phủ định siêu hình

- **Phủ định** là xoá bỏ sự tồn tại của sự vật, hiện tượng nào đó.

a. Phủ định siêu hình.

Là sự phủ định do sự can thiệp, sự tác động từ bên ngoài, cản trở hoặc xoá bỏ sự tồn tại và phát triển tự nhiên của sự vật.

b. Phủ định biện chứng.

- **Khái niệm:** Là sự phủ định diễn ra do sự phát triển của bản thân sự vật và hiện tượng, có kế thừa những yếu tố tích cực của sự vật và hiện tượng cũ để phát triển sự vật hiện tượng mới.

- **Đặc điểm của phủ định (Tự học)**

* **Phủ định biện chứng có hai đặc điểm cơ bản:**

- **Đặc điểm:**

+ Tính khách quan: vì nguyên nhân của sự phủ định nằm ngay trong bản thân sự vật, hiện tượng, đó là kết quả của quá trình giải quyết mâu thuẫn của bản thân sự vật, hiện tượng.

+ Tính kế thừa: phủ định biện chứng chỉ gạt bỏ những yếu tố tiêu cực, lỗi thời của cái cũ, đồng thời giữ lại những yếu tố tích cực còn thích hợp để phát triển cái mới, đảm bảo cho các sự vật, hiện tượng phát triển liên tục.

* **Sự khác nhau của phủ định biện chứng và phủ định siêu hình**

PĐSH	PĐBC
- Diễn ra do sự can thiệp, tác động từ bên ngoài. - Xoá bỏ sự tồn tại và phát triển tự nhiên của sự vật. - Sự vật, hiện tượng bị xoá bỏ hoàn toàn, không tạo ra và không liên quan đến sự vật mới	- Diễn ra do sự phát triển bên trong của sự vật, hiện tượng. - Không xoá bỏ sự tồn tại và phát triển tự nhiên của sự vật. - Sự vật sẽ không bị xoá bỏ hoàn toàn, là cơ sở cho sự xuất hiện của sự vật mới, sẽ tiếp tục tồn tại và phát triển trong sự vật mới.

2. Khuynh hướng phát triển của sự vật và hiện tượng (Tự học)

- Khuynh hướng phát triển của sự vật và hiện tượng là vận động đi lên, cái mới ra đời kế thừa và thay thế cái cũ nhưng ở trình độ ngày càng cao hơn, hoàn thiện hơn.

* Bài học.

- Biết nhận thức cái mới, ủng hộ cái mới
- Tôn trọng quá khứ, tránh bảo thủ, phủ định sạch trơn, cản trở sự tiến bộ.
- Chúng ta không nên ảo tưởng về sự ra đời dễ dàng của cái mới.
- Đồng thời giúp chúng ta vững tin về sự tất thắng của cái mới.

B. Câu hỏi liên hệ

Câu 1: Em hãy cho biết thế nào là phủ định, phủ định biện chứng, phủ định siêu hình? Ví dụ. Em vận dụng quy luật phủ định vào cuộc sống như thế nào?

Trả lời:

- **Phủ định:** Là xóa bỏ sự tồn tại của sự vật hiện tượng nào đó.

Ví dụ: Giông bão làm sập đổ cây cối, hạt lúa xay thành gạo, động đất làm sập nhà...

Phủ định biện chứng: Là sự phủ định diễn ra do sự phát triển của bản thân sự vật hiện tượng, có kế thừa những yếu tố tích cực của sự vật hiện tượng cũ để phát triển sự vật hiện tượng mới.

Ví dụ: Gieo hạt lúa → cây mạ non → cây lúa

Ấp quả trứng gà → con gà con → gà đẻ trứng → ấp trứng nở → con gà...

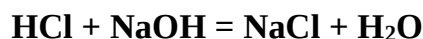
Phụ nữ Việt Nam ngày nay vẫn còn kế thừa những yếu tố tích cực từ phụ nữ trước đây: Tứ đức (Công, dung, ngôn, hạnh) tam tòng tứ đức, chung thủy yêu thương chồng con hết mực, chịu khó, tận tụy biết hi sinh. Đảm đang công việc khéo léo về mọi mặt...

Phủ định siêu hình: Là sự phủ định được diễn ra do sự can thiệp, sự tác động từ bên ngoài, cản trở hoặc xóa bỏ sự tồn tại và phát triển tự nhiên của sự vật hiện tượng.

Ví dụ: Luộc quả trứng gà, hạt lúa xay thành gạo, mưa bão làm cây cối đổ và chết

C. Bài tập SGK

Bài 1 (trang 37 sgk Giáo dục công dân 10): Vận dụng quan điểm phủ định biện chứng để phân tích phản ứng trao đổi của axit Clo-hi-đric và xút sau đây:



Trả lời:

Trong phản ứng này, axit và xút mất đi. Nhưng chúng không biến mất hoàn toàn mà do sự thay đổi liên kết giữa các phân tử tạo thành những chất khác là muối và nước. Hơn thế nữa, ở đây chất mới tạo ra bền bỉ hơn chất cũ. Các liên kết ion chặt hơn. Có thể nói, xét về khía cạnh vững trãi, thì 2 chất mới sinh ra đã bền bỉ hơn chất cũ. Đây chính là sự vận động đi lên của chất mới.

Bài 2 (trang 37 sgk Giáo dục công dân 10): Chúng ta phải luôn luôn đổi mới phương pháp học tập. Theo em, đây có phải là yêu cầu của phủ định biện chứng không? Tại sao?

Trả lời:

- Đây chính là yêu cầu của Phủ định biện chứng.
- Vì mỗi môn học đều có phương pháp học khác nhau, giai đoạn khác nhau cũng cần có cách học khác nhau. Nên ta luôn phải đổi mới phương pháp để phù hợp với từng môn, từng giai đoạn học nhằm tiếp thu kiến thức hiệu quả hơn. Có phương pháp học tập mới nhưng không quên phương pháp cũ mà phải biết kết hợp cả hai nhằm làm cho việc học tập tốt hơn. Như thế, chúng ta mới thành công trong việc học được.

Bài 3 (trang 37 sgk Giáo dục công dân 10): Trong cuộc sống hàng ngày, ta cần phải phê bình và tự phê bình như thế nào mới phù hợp với quan điểm phủ định biện chứng?

Trả lời:

- Phê bình là xem xét, đánh giá ưu điểm, khuyết điểm của người khác. Tự nêu ra, đánh giá ưu, khuyết điểm của bản thân.
- Trong cuộc sống hàng ngày, ta cần phải phê bình và tự phê nghiêm túc, nhìn nhận các vấn đề một cách toàn diện, đặt các vấn đề trong mối quan hệ nhiều chiều, không phê bình một cách phiến diện và phủ định sạch trơn vấn đề.
- Nhìn nhận ra cái tốt của người khác rồi tiếp thu nó để tu dưỡng, học hỏi và làm cho nó trở thành cái tốt của mình, hoàn thiện bản thân, có như thế mới đúng với quan điểm phủ định biện chứng.

Bài 4 (trang 37 sgk Giáo dục công dân 10): Em hãy nhận xét một vài hiện tượng biểu hiện sự phủ định biện chứng trong việc thờ cúng, lễ hội, ma chay, cưới xin ở nước ta hiện nay.

Trả lời:

- Phủ định biện chứng là phủ định do sự phát triển của bản thân sự vật, hiện tượng có kế thừa của những yếu tố tích cực của sự vật hiện tượng cũ để phát triển sự vật hiện tượng mới
- Lễ hội: Ta kế thừa và phát huy những truyền thống văn hóa tốt đẹp, loại bỏ những hoạt động xấu như cờ bạc trong các dịp này.
- Thờ cúng:

- + Kế thừa truyền thống biết ơn tổ tiên, là phong tục tập quán tốt đẹp.
- + Xóa bỏ thủ tục lạc hậu gây ảnh hưởng xấu đến đời sống người dân

Cưới xin: Thể hiện nếp sống văn hóa, văn minh và tiết kiệm.

Bài 5 (trang 38 sgk Giáo dục công dân 10): Hãy xác định câu trả lời đúng nhất trong các ý kiến sau đây:

Cái mới theo nghĩa Triết học là:

- a. Cái mới lạ so với cái trước
- b. Cái ra đời sau so với cái ra đời trước
- c. Cái phức tạp hơn so với cái trước
- d. Đó là những cái ra đời sau tiên tiến hơn, hoàn thiện hơn cái trước.

Trả lời:

Chọn đáp án d. Đó là những cái ra đời sau tiên tiến hơn, hoàn thiện hơn cái trước.

Bài 7. THỰC TIỄN VÀ VAI TRÒ CỦA THỰC TIỄN ĐỐI VỚI NHẬN THỨC (T1)

A. Nội dung bài học

1. Thế nào là nhận thức.

- Nhận thức cảm tính:

Là giai đoạn nhận thức được tạo nên do sự tiếp xúc trực tiếp của các cơ quan cảm giác đối với sự vật, hiện tượng. Đem lại cho con người hiểu biết về đặc điểm bên ngoài của chúng

- Nhận thức lý tính

Là giai đoạn nhận thức tiếp theo, dựa trên các tài liệu do nhận thức cảm tính đem lại, nhờ các thao tác của tư duy như: phân tích, tổng hợp, so sánh, khái quát hoá... tìm ra bản chất, quy luật của sự vật, hiện tượng => là giai đoạn nhận thức gián tiếp

*** Nhận thức là gì ?**

Nhận thức là quá trình phản ánh sự vật, hiện tượng của TGKQ vào bộ óc con người, để tạo nên những hiểu biết về chúng.

2. Thực tiễn là gì ?

- **Thực tiễn** là toàn bộ những hoạt động vật chất có mục đích, mang tính lịch sử - xã hội của con người nhằm cải tạo tự nhiên và xã hội.

- Thực tiễn gồm 3 hình thức :

+ Hoạt động sản xuất vật chất.

- + Hđ chính trị - xã hội.
- + Hđ thực nghiệm khoa học.

(T2)

3.Vai trò của thực tiễn đối với nhận thức :

- Thực tiễn là cơ sở của nhận thức

- Vì: Mọi nhận thức của con người đều bắt nguồn từ thực tiễn. - Nhờ tiếp xúc của các cơ quan cảm giác và hoạt động của bộ não, con người phát hiện ra các thuộc tính, hiểu được bản chất các sự vật, hiện tượng.

Ví dụ: - Sự ra đời của các nhà khoa học

- Dự báo thời tiết.
- Các câu tục ngữ...

- Thực tiễn là động lực của nhận thức

- Vì: Trong hoạt động thực tiễn luôn đặt ra yêu cầu, nhiệm vụ cho nhận thức phát triển.

Ví dụ: - Công cuộc đổi mới ở nước ta hiện nay.

- Trong sản xuất...
- Trong học tập...

(T3)

3.Vai trò của thực tiễn đối với nhận thức :

- Thực tiễn là mục đích của nhận thức

- Vì: Các tri thức khoa học chỉ có giá trị khi được ứng dụng trong hoạt động thực tiễn tạo ra của cải cho xã hội.

Ví dụ: Ứng dụng các phát minh khoa học: công nghệ điện tử, công nghệ sinh học...

- Thực tiễn là tiêu chuẩn của chân lý

- Vì: Chỉ có đem những tri thức đã thu nhận được qua nhận thức đối chiếu với thực tiễn để kiểm tra, kiểm nghiệm mới khẳng định được tính đúng đắn của nó.

Ví dụ:- Chân lý: Không có gì quý hơn độc lập tự do.

- Nhà bác học Galilê phát minh ra định luật về sức cản của không khí

* **Bài học :**

- Trong học tập và cuộc sống cần coi trọng thực tiễn.
- Tránh lí luận suông hoặc xa rời thực tiễn.

B. Câu hỏi liên hệ

Câu 1: Thế nào là nhận thức? Nêu các giai đoạn cơ bản của quá trình nhận thức. Ví dụ. Muốn hiểu rõ về sự vật hiện tượng thì em dựa vào quá trình nhận thức nào? Vì sao?

Trả lời:

- **Nhận thức** là quá trình phản ánh sự vật hiện tượng của thế giới quan vào bộ não của con người để tạo nên sự hiểu biết về chúng.

Nhận thức có hai giai đoạn: Nhận thức cảm tính và nhận thức lý tính

Nhận thức cảm tính: Là giai đoạn nhận thức được tạo nên do sự tiếp xúc trực tiếp của các cơ quan cảm giác tác động đến sự vật hiện tượng. Từ đó mang lại cho con người hiểu biết đặc điểm bên ngoài của chúng.

Ví dụ: Quả cam hình cầu, thanh sắt là kim loại

Nhận thức lý tính: Là giai đoạn nhận thức tiếp theo dựa trên các tài liệu do nhận thức cảm tính mang lại. Nhờ các thao tác tư duy, phân tích, so sánh, tổng hợp.... từ đó tìm ra bản chất của sự vật hiện tượng

Ví dụ: Quả cam: có lượng đường, Vitamin C, dùng làm nước giải khát, có lợi cho sức khỏe....

Thanh sắt: là kim loại dẫn điện, nhiệt tốt, nhiệt độ nóng chảy cao, công thức hóa học là Fe, khối lượng 56, sắt sử dụng vào xây dựng công trình....

C. Bài tập SGK

Bài 1 (trang 44 sgk Giáo dục công dân 10): Dựa vào kiến thức đã học và thực tế cuộc sống, em hãy giải thích quan điểm: Thực tiễn là cơ sở của nhận thức.

Trả lời:

- Mọi sự hiểu biết của con người đều trực tiếp nảy sinh từ thực tiễn. Nhờ có sự tiếp xúc, tác động vào sự vật, hiện tượng mà con người phát hiện ra các thuộc tính, hiểu được bản chất, quy luật của chúng.
- Quá trình hoạt động thực tiễn cũng đồng thời là quá trình phát triển và hoàn thiện các giác quan của con người. Nhờ đó, khả năng nhận thức của con người ngày càng sâu sắc, đầy đủ hơn về sự vật, hiện tượng.
- Vì vậy ta khẳng định: Thực tiễn là cơ sở của nhận thức.

Bài 2 (trang 44 sgk Giáo dục công dân 10): Em hiểu thế nào về nguyên lí giáo dục: Học đi đôi với hành, giáo dục kết hợp với lao động sản xuất, nhà trường gắn liền với xã hội?

Trả lời:

- Học đi đôi với hành, giáo dục kết hợp với lao động sản xuất, nhà trường gắn liền với xã hội là nguyên tắc dựa trên thực tiễn, có thực tiễn mới có khả năng đáp ứng được nhu cầu của người học, của xã hội vì thực tiễn là cơ sở, động lực, mục đích của nhận thức và là tiêu chuẩn của chân lí.
- Học đi đôi với hành, nhờ có thực tiễn, con người mới có những tri thức mới để tiếp tục học tập, đồng thời kiểm nghiệm được tính đúng sai và giá trị đích thực của tri thức đã tiếp nhận được

Bài 3 (trang 44 sgk Giáo dục công dân 10): Bản thân em đã có việc làm nào gắn học với hành? Việc kết hợp giữa học với hành có tác dụng thế nào đối với quá trình học tập của em

Trả lời:

- Những việc gắn học với hành:

+ Em giúp mẹ em tính tiền hàng cho khách, giúp em luyện tính nhẩm nhanh hơn, chính xác hơn.

+ Trước khi gieo hạt, em biết phải làm đất thật tơi xốp và ẩm ướt mới có thể gieo lên thành cây được.

+ Nhờ những kiến thức tiếng anh đã học, em có thể đọc hướng dẫn trong những sản phẩm nước ngoài.

+ Em đã theo dõi chương trình olympya và thử trả lời các câu hỏi trên đó, rất gần với những thứ e học.

+ Không tham gia các hoạt động vi phạm pháp luật, tàng trữ vũ khí, hàng cấm.

+ Luôn lắng nghe ông bà cha mẹ, giúp đỡ bạn bè xung quanh

- Sự kết hợp giữa học với hành có tác dụng giúp em hiểu kiến thức nhanh hơn, nhớ lâu hơn và nhờ đó cũng thấy việc học thú vị hơn, thích học hơn.

Bài 4 (trang 44 sgk Giáo dục công dân 10): Dựa vào kiến thức đã học, em hãy cho biết ý nghĩa của câu tục ngữ: Đi một ngày đàng, học một sàng khôn.

Trả lời:

Câu tục ngữ mang ý nghĩa:

- Tri thức là vô hạn, con người phải không ngừng học hỏi để tiếp thu những kiến thức mới nhằm hoàn thiện bản thân.

- Việc học hỏi không chỉ dừng lại ở sách vở mà phải học hỏi trong cuộc sống, thông qua giao tiếp, trải nghiệm thực tế ở bên ngoài xã hội để từ đó mang lại tri thức, kinh nghiệm, kỹ năng...

- Mỗi cá nhân cần luôn chú trọng đến việc ra ngoài hoạt động, mở rộng mối quan hệ giao tiếp, thăm thú các nơi để trải nghiệm để tăng sự hiểu biết, chất lọc những gì tinh túy nhất để từ đó trở thành người hoàn thiện hơn.

Bài 5 (trang 44 sgk Giáo dục công dân 10): Trong khi chuẩn bị cho bài học Thực tiễn và vai trò của thực tiễn đối với nhận thức, Hà nói với Hằng:

- Chúng mình cố gắng thực hiện tốt các giờ thực hành, thí nghiệm của các môn học là vận dụng lí thuyết vào thực tiễn đấy.

Hằng liền bĩu môi:

- Vận dụng lí thuyết vào thực tiễn phải là những vấn đề lớn có giá trị cao cơ. Việc thực hành, thí nghiệm của bọn mình chỉ có tác dụng bổ sung cho giờ học lí thuyết thôi, đâu phải là vận dụng lí thuyết vào thực tiễn.

Em đồng ý với ý kiến nào? Không đồng ý với ý kiến nào? Vì sao?

Trả lời:

- Em đồng ý với ý kiến của Hà, không đồng ý với ý kiến của Hằng.

- Vì:

+ Các giờ thực hành, thí nghiệm của các môn học là một hình thức vận dụng lí thuyết vào thực tiễn.

+ Bằng thực hành, thí nghiệm, học sinh tự nhận biết được tính đúng đắn hay sai lầm của kiến thức đã học, từ đó hiểu và ghi nhớ kiến thức tốt hơn, có thể áp dụng ra ngoài thực tế cuộc sống, biến những kiến thức thu nhận được thành có ích.

BÀI 9. CON NGƯỜI LÀ CHỦ THỂ CỦA LỊCH SỬ **LÀ MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN CỦA XÃ HỘI**

A. Nội dung bài học

1. Con người là chủ thể của lịch sử (Tự học)

2. a. Con người tự sáng tạo ra lịch sử của mình

+ Lịch sử loài người được hình thành khi con người biết chế tạo ra công cụ lao động và sử dụng công cụ lao động, con người đã tự tách mình ra khỏi thế giới loài vật chuyển sang thế giới loài người và lịch sử xã hội loài người cũng bắt đầu.

b. Con người là chủ thể sáng tạo nên các giá trị vật chất và tinh thần của xã hội

+ Sản xuất ra của cải vật chất là đặc trưng chỉ có ở con người.

+ Con người còn sáng tạo ra các giá trị tinh thần của xã hội.

c. Con người là động lực của các cuộc cách mạng xã hội

- Nhu cầu về cuộc sống tốt đẹp hơn là động lực thúc đẩy con người không ngừng đấu tranh để cải tạo xã hội.

- Mọi sự biến đổi của xã hội, mọi cuộc cách mạng xã hội đều do con người tạo ra.

2. Con người là mục tiêu của sự phát triển xã hội

a. Vì sao nói con người là mục tiêu phát triển xã hội.

- Từ khi xuất hiện đến nay con người luôn khao khát được sống tự do hạnh phúc. Song vẫn tồn tại bất công, bóc lột và có nhiều yếu tố đe dọa tự do hạnh phúc và tính mạng con người.

=> Vì vậy con người không ngừng đấu tranh vì tự do hạnh phúc của chính mình.

- Mọi chính sách và hành động của các quốc gia và cộng đồng quốc tế phải nhằm mục tiêu phát triển con người.

=> Như vậy: Con người là chủ thể của lịch sử nên con người cần phải được tôn trọng, cần phải được đảm bảo quyền chính đáng của mình, phải là mục tiêu phát triển của mọi tiến bộ xã hội.

b. Chủ nghĩa xã hội với sự phát triển toàn diện của con người.

- Xã hội loài người đã và đang trải qua năm chế độ xã hội nhưng chỉ có CNXH mới thực sự coi con người là mục tiêu phát triển của xã hội.

- CNXH với mục tiêu:

+ Xây dựng xã hội công bằng, dân chủ, văn minh

+ Con người có cuộc sống tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện.

- Mọi chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước ta đều vì phát triển con người toàn diện với mục tiêu: Dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ văn Minh

B. Câu hỏi liên hệ

Câu 1: Vì sao nói con người là mục tiêu phát triển xã hội

Trả lời:

Từ khi xuất hiện đến nay con người luôn khao khát được sống tự do hạnh phúc. Song vẫn tồn tại bất công, bóc lột và có nhiều yếu tố đe dọa tự do hạnh phúc và tính mạng con người.

→ Vì vậy con người không ngừng đấu tranh vì tự do hạnh phúc của chính mình.

Mọi chính sách và hành động của các quốc gia và cộng đồng quốc tế phải nhằm mục tiêu phát triển con người.

→ Như vậy: Con người là chủ thể của lịch sử nên con người cần phải được tôn trọng, cần phải được đảm bảo quyền chính đáng của mình, phải là mục tiêu phát triển của mọi tiến bộ xã hội.

Câu 2: Tại sao nói con người là chủ thể của lịch sử? Liên hệ lịch sử theo từng giai đoạn phát triển. Ví dụ.

Trả lời:

Con người tự sáng tạo ra lịch sử của chính mình

Lịch sử xã hội loài người được hình thành từ khi con người biết chế tạo ra công cụ lao động sản xuất và biết sử dụng. Nhờ đó, con người tự tách mình ra khỏi thế giới động vật chuyên sang thế giới loài người. Lịch sử xã hội được hình thành từ đó.

Việc chế tạo ra công cụ lao động giúp cho lịch sử xã hội loài người hình thành và phát triển. Đồng thời có ý nghĩa giúp con người tự sáng tạo ra lịch sử của chính mình.

Con người là chủ thể sáng tạo ra giá trị vật chất, tinh thần

Ở bất kỳ chế độ nào trong lịch sử con người luôn giữ vị trí trung tâm và làm chủ xã hội

Ví dụ: Từ chế độ công xã nguyên thủy "chiếm hữu nô lệ" xã hội phong kiến "tư bản chủ nghĩa" xã hội chủ nghĩa.

Câu 3: *Vì sao nói con người là mục tiêu của sự phát triển xã hội? Em có suy nghĩ và cho rằng trong tương lai người máy (ROBOT) sẽ thay thế vị trí con người để làm nên xã hội không? Em cho ý kiến.*

Trả lời:

Con người là chủ thể của lịch sử nên cần phải được tôn trọng, được đảm bảo quyền chính đáng của mình, phải là mục tiêu phát triển tiến bộ xã hội. Mục đích của sự tiến bộ xã hội suy cho cùng là mang hạnh phúc cho tất cả mọi người.

C. Bài tập SGK

Bài 1 (trang 59 sgk Giáo dục công dân 10): Em hãy cho biết: Vì sao nói con người là chủ thể của lịch sử?

Trả lời:

Nói con người là chủ thể của lịch sử vì:

- Con người tự sáng tạo ra lịch sử của mình: Lịch sử loài người hình thành khi con người biết chế tạo ra công cụ lao động, từ đó không còn lệ thuộc vào tự nhiên, tách mình ra khỏi thế giới loài vật, chuyển sang thế giới loài người và lịch sử xã hội bắt đầu.

- Con người là chủ thể sáng tạo nên các giá trị vật chất và tinh thần của xã hội:

+ Để tồn tại và phát triển, con người phải lao động, tạo ra của cải vật chất để nuôi sống mình và xã hội.

+ Sản xuất ra của cải vật chất là đặc trưng riêng chỉ có ở con người. Đó là quá trình lao động có mục đích và không ngừng sáng tạo của con người, tạo của cải vật chất đảm bảo cho sự tồn tại của xã hội và thúc đẩy xã hội phát triển.

+ Con người sáng tạo ra các giá trị tinh thần của xã hội. Đời sống con người là nguồn đề tài vô tận cho các phát minh khoa học, cảm hứng sáng tạo văn học, nghệ thuật. Chính con người là tác giả của các công trình khoa học, các tác phẩm văn học, nghệ thuật...

- Con người là động lực của các cuộc cách mạng xã hội.

+ Nhu cầu về một cuộc sống tốt đẹp hơn là động lực thúc đẩy con người không ngừng đấu tranh để cải tạo xã hội. Biểu hiện cụ thể là các cuộc đấu tranh giai cấp, mà đỉnh cao là các cuộc cách mạng xã hội dẫn đến sự xuất hiện của phương thức sản xuất mới, thúc đẩy sự biến đổi về mọi mặt của đời sống xã hội.

- Như vậy, lịch sử phát triển của xã hội là lịch sử của con người hoạt động theo mục đích của mình.

Bài 2 (trang 60 sgk Giáo dục công dân 10): Hăng-ri Duy-năng (1828 – 1910) là nhà nghiên cứu văn học người Thụy Sĩ. Năm 31 tuổi, ông được chứng kiến cảnh khoảng 40 ngàn người vừa chết, vừa bị thương nằm la liệt khắp nơi trong cuộc chiến đấu giữa quân đội Pháp – I-ta-li-a, ở Xôn-phê-ri-ô (I-ta-li-a), ông đã đến những xóm làng gần đó tổ chức những đội cứu thương. Bất chấp nguy hiểm, Duy-năng đã cùng nhiều người khác băng bó cho những người bị thương và đưa họ đến nơi an toàn.

Ba năm sau, ông đã viết cuốn **Kỉ niệm về Xôn-phê-ri-ô để lên án chiến tranh, kêu gọi thành lập một tổ chức quốc tế giúp đỡ những người bị thương**. Ít lâu sau, một **hội nghị quốc tế họp ở Giơ-ne-vơ (Thụy Sĩ) đã tán thành sáng kiến của Duy-năng và Hội Chữ thập đỏ quốc tế được ra đời**.

Hỏi:

a. Vận dụng kiến thức đã học về con người là mục tiêu của sự phát triển xã hội, hãy cho biết nhận xét của em về thông tin trên.

b. Em có thể học tập được điều gì ở Duy-năng?

Trả lời:

a. Qua thông tin trên, ta có thể thấy được sự quan trọng của việc con người là mục tiêu của sự phát triển xã hội. Tất cả đều làm nên từ đôi bàn tay của con người nên con người phải được bảo đảm các quyền chính đáng của mình, phải là mục tiêu phát triển của xã hội.

b. Ta có thể học được tính dũng cảm, bất chấp khó khăn nguy hiểm, gian khổ của Duy-năng để bảo vệ cho quyền con người. Con người là chìa khóa, là nhân tố chính cho sự phát triển, mở nên một chế độ xã hội mới, một trình độ văn hóa mới, nơi mà con người có tất cả quyền lợi của mình. Và chúng ta phải hành động để bảo vệ cho chính mình và những người khác.

Bài 3 (trang 60 sgk Giáo dục công dân 10): Hãy điều tra thực tế ở địa phương em về việc thực hiện một số chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước ta vì mục tiêu phát triển toàn diện con người (ví dụ: Việc thực hiện chính sách định canh định cư,

chính sách xóa đói giảm nghèo, chính sách đối với người tàn tật, cô đơn, chính sách đối với giáo dục,) Sau đó, viết một báo cáo thu hoạch ngắn về cuộc điều tra đó.

Trả lời:

- Trong giáo dục:

+ Tặng quà đối với con em thương – bệnh binh, liệt sĩ nhân ngày 22/12. Miễn, giảm học phí cho con em gia đình khó khăn, hoàn cảnh đặc biệt. Tặng quà hỗ trợ nhân dịp tết nguyên đán.

+ Trao học bổng cho những học sinh, sinh viên có thành tích học tập xuất sắc, tuyển thẳng đối với sinh viên tốt nghiệp thủ khoa của đại học sư phạm Hà Nội.

Chính sách hỗ trợ việc làm cho những người có hoàn cảnh khó khăn, những người tàn tật...

Bài 4 (trang 60 sgk Giáo dục công dân 10): Trong cuộc sống hàng ngày có một số người lao động nhưng lại thường xuyên cầu khẩn thần linh phù hộ cho họ có nhiều tiền, sống sung sướng.

Dựa vào kiến thức con người là chủ thể của lịch sử, em có thể nói với họ điều gì?

Trả lời:

Con người là chủ thể sáng tạo nên các giá trị vật chất và các giá trị tinh thần của xã hội. Vậy nên con người có giàu được hay không là do chính bản thân mình. Phải luôn cố gắng làm việc, cống hiến cho xã hội.

Bên cạnh đó, cần phải chi tiêu hợp lý, không tiêu sài hoang phí. Chi tiêu thiếu hợp lý chính là nguyên nhân gây ra việc thiếu tiền.

Mặt khác, ta cũng phải thường xuyên học hỏi, sáng tạo ra cái mới, để có cơ hội thăng tiến hơn, có điều kiện hơn.

PHẦN HAI CÔNG DÂN VỚI ĐẠO ĐỨC

Chủ đề: Đạo đức học và một số phạm trù của đạo đức học

• Quan niệm về đạo đức

A. Nội dung bài học

1. Quan niệm về đạo đức

a. Đạo đức là gì?

- **Đạo đức** là hệ thống các quy tắc chuẩn mực xã hội mà nhờ đó con người tự giác điều chỉnh hành vi của mình cho phù hợp với lợi ích của cộng đồng, của xã hội.

b. Phân biệt đạo đức với pháp luật và phong tục tập quán trong sự điều chỉnh hành vi của con người (TỰ HỌC)

• Điểm giống nhau giữa đạo đức, pháp luật và phong tục tập quán:

Là hình thái ý thức xã hội

Là phương thức điều chỉnh hành vi của con người

Thay đổi theo thời gian và không gian

Mang tính giai cấp

• Điểm khác giữa đạo đức và pháp luật

Nội dung	Đạo đức	Pháp luật
Yêu cầu của xã hội	Yêu cầu cao	Yêu cầu tối thiểu
Cách thức điều chỉnh	Mang tính tự giác	Mang tính bắt buộc
Biện pháp điều chỉnh	Dư luận xã hội Lương tâm	Những biện pháp cưỡng chế của pháp luật
Cách thức quy định	Khẩu ngữ	Văn bản pháp luật
Ví dụ	- Lễ phép chào hỏi người lớn. - Anh em hòa thuận...	- Đèn đỏ dừng lại. - Không gian lận trong thi cử...

c. Điểm khác nhau giữa đạo đức và phong tục tập quán

Nội dung	Đạo đức	Phong tục tập quán
Điều chỉnh hành vi xuất phát từ	Sự hiểu biết, quan niệm sống	Thói quen, nếp sống lâu đời

Thay đổi	Kịp với thời đại mang ý nghĩa tích cực	• Thay đổi chậm ◦ Phù hợp với xã hội (Mỹ tục) ◦ Lạc hậu với xã hội (Hủ tục)
----------	--	---

3. Vai trò của đạo đức trong đời sống của con người

a. Đối với cá nhân.

- + Góp phần hoàn thiện nhân cách.
- + Có ý thức và năng lực, sống thiện, sống có ích.

b. Đối với gia đình.

- + Đạo đức là nền tảng của gia đình.
- + Tạo nên sự ổn định, phát triển vững chắc của gia đình.
- + Là nhân tố tạo nên niềm vui cho gia đình, xây dựng gia đình hạnh phúc.

c. Đối với xã hội.

- + Xã hội phát triển bền vững, nếu xã hội đó thực hiện đúng các quy tắc chuẩn mực đạo đức.
- + Xã hội sẽ mất ổn định nếu đạo đức xã hội bị xuống cấp.

⇒ **Kết luận:** Đạo đức như nguồn của sông, như gốc của cây → Vì thế mỗi cá nhân cần biến những quan niệm đạo đức thành hành vi đạo đức trong cuộc sống.

B. Câu hỏi liên hệ

Câu 1: Em hãy nêu những hành vi vi phạm đạo đức nhưng không vi phạm pháp luật?

- Ly hôn vì chồng (vợ) có quan hệ bất chính với người thứ 3.
- Sống dối trá, lọc lừa, điêu ngoa...
- Bán đứng bạn bè.
- Tham phú phụ bần.
- Bất hiếu với ba mẹ.

C. Bài tập SGK

Bài 1 (trang 66 sgk Giáo dục công dân 10): Em hãy phân biệt đạo đức với pháp luật và phong tục tập quán trong sự điều chỉnh hành vi của con người

Trả lời:

- Đạo đức là một phương thức điều chỉnh hành vi con người nhưng không phải là duy nhất. Sự điều chỉnh hành vi của đạo đức mang tính tự nguyện và thường là những yêu cầu cao của xã hội đối với con người. Trong thực tế, có những trường hợp hành vi của cá nhân tuy không vi phạm pháp luật nhưng có thể vẫn bị phê phán về mặt đạo đức.

- Sự điều chỉnh hành vi của pháp luật là sự điều chỉnh mang tính bắt buộc, tính cưỡng chế. Đó là sự điều chỉnh thông qua những yêu cầu tối thiểu, được quy định bằng văn bản của nhà nước, buộc các cá nhân và tổ chức phải tuân theo để đảm bảo lợi ích chung cho xã hội.

- Tuân theo phong tục tập quán là tuân theo những thói quen, những trật tự nề nếp đã ổn định từ lâu đời trong cuộc sống hàng ngày. Có những phong tục tập quán không còn phù hợp, trái với đạo đức, cần phải thay đổi, loại trừ. Có những phong tục trở thành nét đẹp và được coi là những thuần phong mỹ tục, cần duy trì và phát huy.

Bài 2 (trang 66 sgk Giáo dục công dân 10): Ngày xưa, một người lấy việc chặt củi, đốt than trên rừng làm nghề sinh sống được coi là người lương thiện. Ngày nay, nếu chặt củi, đốt than thì bị dư luận phê phán, cho rằng đó là kẻ phá hoại rừng, là người thiếu ý thức bảo vệ môi trường và cộng đồng.

Em giải thích thế nào về việc này?

Trả lời:

- Ngày xưa việc chặt củi, đốt than được xem là việc làm lương thiện. Khi ấy, cây trên rừng không thuộc về ai, việc khai thác không liên quan đến ai, công cụ khai thác giản đơn, số lượng không đáng kể, đủ sống hàng ngày. Việc làm này góp phần nuôi sống bản thân, đồng thời đem lại nguồn chất đốt phục vụ cho xã hội.

- Tuy nhiên ngày nay thì việc làm đó được coi là hành động tàn phá rừng, gây ô nhiễm môi trường và thiếu ý thức. Vì rừng là tài sản quốc gia, có lợi cho con người về mặt kinh tế và điều hòa môi trường. Khi con người khai thác bừa bãi, không hợp lý, không có kế hoạch, hủy hoại rừng gây hậu quả mất cân bằng hệ sinh thái và nhiều hậu quả nghiêm trọng khác, không tốt cho con người và xã hội. Vì vậy, họ là người vi phạm đạo đức và pháp luật, bị dư luận phê phán.

Bài 3 (trang 66 sgk Giáo dục công dân 10): Hãy lấy một vài ví dụ về hành vi của cá nhân tuy không vi phạm pháp luật nhưng lại trái với những chuẩn mực đạo đức xã hội. Qua những ví dụ này em có thể rút ra được những điều gì?

Trả lời:

- Ví dụ:

+ Con cái không nghe lời khuyên của cha mẹ, có hành vi vô lễ tuy không vi phạm pháp luật nhưng lại trái với những chuẩn mực đạo đức xã hội.

+ Học trò vô lễ với thầy cô không phải là vi phạm pháp luật nhưng không đúng với chuẩn mực đạo đức của xã hội.

- Bài học:

+ Sự điều chỉnh hành vi của pháp luật là sự điều chỉnh mang tính bắt buộc, tính cưỡng chế. Đó là sự điều chỉnh thông qua những yêu cầu tối thiểu, được điều chỉnh bằng văn bản của nhà nước, buộc các cá nhân, tổ chức phải tuân theo để đảm bảo lợi ích chung cho xã hội.

+ Sự điều chỉnh hành vi của đạo đức lại mang tính tự nguyện và thường là yêu cầu cao của xã hội đối với con người. Trong thực tế, có những trường hợp hành vi của cá nhân tuy không vi phạm về pháp luật nhưng có thể vẫn bị phê phán về mặt đạo đức.

Bài 4 (trang 67 sgk Giáo dục công dân 10): Em hãy kể về một tấm gương đạo đức của một cá nhân mà em biết.

Trả lời:

Tấm gương đạo đức của Bác Hồ đã luôn được nhân dân Việt Nam ghi nhớ, học tập theo:

Bác Hồ là một người có lòng yêu thương bao la. Bác quan tâm lo lắng cho tất cả mọi người từ cụ già, em nhỏ, các đồng chí bộ đội đến từng người dân. Bác san sẻ việc mang đồ đạc với các đồng chí khi đi công tác, chia đôi bát chè với anh liên lạc viên; Bác là người vào hầm trú ẩn sau cùng khi máy bay địch ném bom trên đầu; Bác dạy các chiến sĩ sự hòa nhã, cẩn thận, biết nghĩ đến người sau; Bác đem hết số tiền tiết kiệm mua nước ngọt cho các đồng chí pháo binh; Bác nhường máy lạnh cho các đồng chí thương binh nặng. Tấm gương đạo đức của Bác mãi sáng ngời để chúng ta noi theo.

Bài 5 (trang 67 sgk Giáo dục công dân 10): Gia đình Việt Nam hiện nay chịu ảnh hưởng của nhân tố nào sau đây:

a. Đạo đức

b. Phong tục tập quán

c. Pháp luật

d. Cả ba yếu tố trên

Trả lời:

Chọn đáp án d. Cả ba yếu tố trên

Chủ đề: Đạo đức học và một số phạm trù của đạo đức học

- **Một số phạm trù cơ bản của đạo đức học**

A. Nội dung bài học

1. Nghĩa vụ

a. Nghĩa vụ là gì?

- **Nghĩa vụ** là trách nhiệm của mỗi cá nhân đối với yêu cầu lợi ích chung của cộng đồng, của xã hội.
- **Ví dụ:** Con cái có nghĩa vụ yêu thương, kính trọng, biết ơn, hiếu thảo, vâng lời ông bà, cha mẹ.
- **Ví dụ:** Phải chặt bỏ đi một cây lưu niệm của nhà mình để xây dựng cột điện, kéo dây về làng; phải dọn nhà đi nơi khác để thành phố mở rộng đường; Tổ quốc bị xâm lăng, trong khi đó bản thân phải nuôi mẹ già, con nhỏ, cầm súng lên đường hay ở nhà...
- **Các yêu cầu của đạo đức:**
 - Cá nhân biết đặt nhu cầu, lợi ích của xã hội lên trên. Phải biết hi sinh quyền lợi của mình (những giá trị thấp) vì lợi ích chung (những giá trị cao).
 - Xã hội phải bảo đảm cho nhu cầu và lợi ích chính đáng của cá nhân.

b. Nghĩa vụ của Thanh niên Việt Nam hiện nay (TỰ HỌC)

- Chăm lo rèn luyện đạo đức có ý thức quan tâm đến những người xung quanh, đấu tranh chống lại cái ác góp phần xây dựng xã hội tốt đẹp.
- Không ngừng học tập nâng cao trình độ văn hóa.
- Tích cực lao động sản xuất để tạo ra của cải vật chất cho xã hội.
- Sẵn sàng tham gia sự nghiệp bảo vệ Tổ Quốc.

2. Lương tâm

a. Lương tâm là gì?

- **Lương tâm** là năng lực tự đánh giá và điều chỉnh hành vi đạo đức của bản thân trong các mối quan hệ với người khác và xã hội.
- Hai trạng thái của lương tâm: thanh thản và cắn rứt.
 - Trạng thái thanh thản: thể hiện sự vui sướng, hài lòng về công việc gì đó mà mình đã làm được.
 - Trạng thái cắn rứt: thể hiện sự cắn rứt, hối hận lương tâm
 - Lương tâm dù tồn tại ở trạng thái nào cũng có ý nghĩa tích cực đối với cá nhân.

+ **Trạng thái thanh thản của lương tâm** giúp con người tự tin hơn vào bản thân và phát huy được tính tích cực trong hành vi của mình.

+ **Trạng thái cắn rứt lương tâm** giúp cá nhân điều chỉnh hành vi của mình cho phù hợp với yêu cầu của xã hội.

+ Một cá nhân thường làm điều ác nhưng lại không biết ăn năn, hối hận hay xấu hổ (là người vô liêm sỉ), không cắn rứt lương tâm thì bị coi là kẻ **vô lương tâm**, vô đạo đức.

Ví dụ những kẻ chuyên cướp của giết người, buôn bán ma túy, buôn người... đáng bị lên án.

b. Làm thế nào để trở thành người có lương tâm. (khuyến khích học sinh thực hành)

Muốn giữ cho lương tâm được trong sáng, cần phải:

- Thường xuyên rèn luyện tư tưởng đạo đức theo quan điểm tiến bộ
- Tự giác thực hiện các hành vi đạo đức hàng ngày
- Tự nguyện thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của bản thân.
- Bồi dưỡng tình cảm trong sáng, đẹp đẽ, cao thượng trong quan hệ giữa người với người.

3. Nhân phẩm và danh dự

a. Nhân phẩm là gì?

Nhân phẩm: Là toàn bộ những phẩm chất mà con người có được. Nói cách khác, nhân phẩm là giá trị làm người của mỗi con người.

- Người có nhân phẩm được xã hội đánh giá cao, được kính trọng và có vinh dự lớn.
- Người thiếu nhân phẩm bị xã hội coi thường, khinh rẻ.

• Những biểu hiện của nhân phẩm:

- Có lương tâm trong sáng.
- Nhu cầu vật chất và tinh thần lành mạnh.
- Thực hiện tốt nghĩa vụ đạo đức.
- Thực hiện tốt chuẩn mực đạo đức tiến bộ.

b. Danh dự là gì?

- **Danh dự:** :Danh dự là sự coi trọng, đánh giá cao của dư luận xã hội đối với một người dựa trên các giá trị tinh thần, đạo đức của người đó.
- Danh dự có giá trị rất lớn đối với mỗi con người, thúc đẩy con người làm điều thiện, điều tốt, ngăn ngừa những điều ác, điều xấu.

c. Ý nghĩa nhân phẩm và danh dự

- Nhân phẩm và danh dự có mối quan hệ với nhau.

_ Giữ gìn danh dự là sức mạnh tinh thần.

_ Khi mỗi cá nhân biết bảo vệ danh dự của mình thì người đó được coi là có lòng tự trọng.

_ Khi một cá nhân biết tôn trọng và bảo vệ danh dự của mình thì người đó được coi là có lòng tự trọng.

_ Tự trọng khác xa (đối lập hoàn toàn) với tự ái:

+ Người có lòng tự trọng biết đánh giá đúng bản thân mình theo các tiêu chuẩn khách quan.

+ Người tự ái chỉ biết đánh giá cao bản thân mình theo tiêu chuẩn chủ quan, chỉ nghĩ đến bản thân mình, họ đề cao cái tôi nên có thái độ bức tức, không muốn ai khuyên bảo mình.

4. Hạnh phúc

a. Hạnh phúc là gì?

Hạnh phúc là cảm xúc vui sướng, hài lòng của con người trong cuộc sống khi được đáp ứng, thỏa mãn các nhu cầu chân chính, lành mạnh về vật chất và tinh thần.

b. Hạnh phúc của cá nhân và hạnh phúc của xã hội (TỰ HỌC)

- Nói đến hạnh phúc trước hết là nói đến hạnh phúc cá nhân vì cảm xúc luôn gắn bó với cảm xúc cá nhân.
- Hạnh phúc xã hội là cuộc sống hạnh phúc của tất cả mọi người trong xã hội.
- Hạnh phúc cá nhân và hạnh phúc xã hội có mối quan hệ chặt chẽ với nhau, gắn bó mật thiết với nhau.

→ Khi cá nhân phấn đấu cho hạnh phúc của mình phải biết thực hiện nghĩa vụ đối với người khác và đối với xã hội.

B. Câu hỏi liên hệ

C. Bài tập SGK

Bài 1 (trang 75 sgk Giáo dục công dân 10): Trong xã hội ta hiện nay, có một số người sống theo kiểu “Đèn nhà ai nhà nấy rạng”, em có nhận xét gì về cách sống này?

Trả lời:

- Câu nói “Đèn nhà ai nhà nấy rạng” muốn ám chỉ những con người sống ích kỉ, hẹp hòi.

- Đây là lối sống đáng phê phán; nó khiến cho nhiều mối quan hệ bị rạn nứt và dẫn đến đổ vỡ. Những người chỉ biết lo gia đình mình yên ổn, sung sướng, sung túc; còn những gia đình khác xung quanh mình họ sống như thế nào thì cũng mặc kệ, bởi chẳng liên quan đến mình.

- Quan điểm sống ấy là thiếu ý thức cộng đồng, trong những hoàn cảnh cụ thể sẽ có lúc gây ra những hậu quả xấu cho xã hội và cho chính bản thân người đó.

Bài 2 (trang 75 sgk Giáo dục công dân 10): Vì sao người có lương tâm được xã hội đánh giá cao?

Trả lời:

Người có lương tâm được xã hội đánh giá cao vì:

- Người có lương tâm sẽ tự tin vào bản thân hơn và phát huy được tính tích cực trong hành vi của mình góp phần phát triển xã hội.

- Họ biết điều chỉnh hành vi cho phù hợp với các chuẩn mực của xã hội, biết ăn năn, sửa chữa lỗi lầm của mình và biết sống vì người khác, luôn giúp đỡ những người xung quanh khi họ gặp khó khăn mà không cần điều kiện.

Bài 3 (trang 75 sgk Giáo dục công dân 10): Nhân phẩm và danh dự có vai trò như thế nào đối với đạo đức cá nhân? Vì sao những người nghiện ma túy khó giữ được nhân phẩm và danh dự của mình?

Trả lời:

- Nhân phẩm là toàn bộ phẩm chất mà mỗi con người có được nói cách khác nhân phẩm là giá trị làm người của mỗi người

- Danh dự là sự coi trọng, đánh giá cao của dư luận xã hội đối với một người dựa trên giá trị tinh thần đạo đức của người đó. Do vậy danh dự là nhân phẩm được đánh giá và công nhận.

- Vai trò của nhân phẩm, danh dự đối với đạo đức cá nhân:

+ Nhân phẩm và danh dự có quan hệ khăng khít với nhau làm nền tảng giá trị của mỗi con người.

+ Nhân phẩm và danh dự có ý nghĩa rất lớn đối với mỗi người, giữ gìn danh dự và nhân phẩm được xem là sức mạnh tinh thần của một cá nhân có đạo đức.

- Người nghiện ma túy khó giữ được nhân phẩm và danh dự vì:

+ Người nghiện luôn tạo ra cho mình những nhu cầu thiếu lành mạnh và rất khó bỏ.

+ Để thỏa mãn cơn nghiện, họ có thể làm bất cứ điều gì kể cả những điều trái với đạo đức và pháp luật.

Bài 4 (trang 75 sgk Giáo dục công dân 10): Hãy phân biệt tự trọng với tự ái.

Trả lời:

Tự trọng:

- Biết tôn trọng, bảo vệ danh dự của cá nhân.

- Biết làm chủ các nhu cầu bản thân, kiềm chế được các nhu cầu, ham muốn không chính đáng, cố gắng tuân theo các quy tắc, chuẩn mực đạo đức tiến bộ của xã hội.

- Tôn trọng danh dự, nhân phẩm của người khác.

Tự ái:

- Quá nghĩ đến bản thân, đề cao cái tôi quá mức nên có thái độ bực tức, khó chịu, giận dữ đôi khi cho rằng mình bị đánh giá thấp hoặc coi thường.

- Người tự ái thường không muốn ai phê phán cũng như khuyên bảo mình, dễ có thái độ bực tức
- Khi tự ái, dễ có những phản ứng thiếu sáng suốt, dễ rơi vào sai lầm.

Bài 5 (trang 75 sgk Giáo dục công dân 10): Có người cho rằng hạnh phúc là “Cầu được, ước thấy”. Em có đồng ý không? Vì sao?

Trả lời:

- Em không đồng ý vì:

+ Mỗi người có một quan niệm về hạnh phúc khác nhau, nhưng dù thế nào thì hạnh phúc đó phải lành mạnh và chân chính, phải phù hợp với điều kiện và hoàn cảnh cuộc sống.

+ Cầu được ước thấy không mang lại hạnh phúc mà chỉ mang lại sự đơn điệu và nhàm chán, mất sự say mê và ham muốn phấn đấu. Nếu hạnh phúc quá dễ dàng, người ta khó lòng trân trọng những điều đó.

+ Hạnh phúc phải trải qua quá trình rèn luyện, đấu tranh mới là hạnh phúc đích thực.

Bài 6 (trang 75 sgk Giáo dục công dân 10): Theo em, hạnh phúc của một học sinh Trung học là gì?

Trả lời:

Hạnh phúc của một học sinh trung học là

- Được sống và học tập trong một môi trường thân thiện, gia đình, người thân tạo điều kiện vật chất, tinh thần trong khả năng hiện có phục vụ cho học tập và rèn luyện
- Luôn đạt kết quả tốt trong học tập theo khả năng của bản thân.
- Được thầy cô và bạn bè yêu mến, được tiếp thu kiến thức tiên tiến của nhân loại và vận dụng nó vào đời sống, làm hành trang cho bản thân.
- Được chia sẻ, giúp đỡ bạn bè...

Bài 7 (trang 75 sgk Giáo dục công dân 10): Em hãy nêu một vài nghĩa vụ đạo đức cụ thể của công dân đối với xã hội.

Trả lời:

- Sống biết giúp đỡ mọi người, sẵn sàng chia sẻ những gì mình có với mọi người, ủng hộ cho người nghèo, bệnh tật.
- Giữ gìn trật tự, an ninh khu vực và xã hội.
- Giữ vệ sinh ngoài đường phố, không xả rác bừa bãi để, bảo vệ cảnh quan thiên nhiên
- Tham gia giao thông an toàn, tuân thủ đúng pháp luật, bảo vệ cho bản thân và cho người khác
- Đoàn kết với mọi người, bảo vệ tổ quốc
- Tôn trọng bản thân và tôn trọng người khác.

Bài 12: CÔNG DÂN VỚI TÌNH YÊU, HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH (Tiết 1)

A. Nội dung bài học

1. Tình yêu

a. Tình yêu là gì?

Tình yêu: là sự rung cảm và quyến luyến sâu sắc giữa 2 người khác giới. Ở họ có sự phù hợp về nhiều mặt, làm cho họ có nhu cầu gần gũi, gắn bó với nhau, tự nguyện sống vì nhau và sẵn sàng hiến dâng cho nhau cuộc sống của mình.

b. Thế nào là một tình yêu chân chính?

- **Tình yêu chân chính** là tình yêu trong sáng và lành mạnh, phù hợp với các quan niệm đạo đức tiên bộ của xã hội.
- **Biểu hiện của tình yêu chân chính:**

- + Tình cảm chân thực, sự quyến luyến, cuốn hút, sự gắn bó.
- + Sự quan tâm sâu sắc đến nhau, không vụ lợi, chăm lo đến những nhu cầu, lợi ích của nhau.
- + Sự chân thành tin cậy và sự tôn trọng từ cả hai phía.
- + Lòng vị tha và sự thông cảm.

c. Một số điều cần tránh trong tình yêu của nam nữ thanh niên

- + Yêu đương quá sớm.
- + Yêu một lúc nhiều người, yêu để chứng tỏ khả năng chinh phục bạn khác giới hoặc yêu vì mục đích vụ lợi.
- + Có quan hệ tình dục trước hôn nhân.

2. Hôn nhân (TỰ HỌC)

a. Hôn nhân là gì?

Hôn nhân: là mối quan hệ giữa vợ và chồng sau khi kết hôn.

b. Chế độ hôn nhân ở nước ta hiện nay

- **Thứ 1: Hôn nhân tự nguyện và tiến bộ.**
- Hôn nhân tự nguyện và tiến bộ là hôn nhân dựa trên tình yêu chân chính.

- + Hôn nhân tự nguyện là cá nhân được tự do kết hôn theo luật định.
- + Hôn nhân tiến bộ là hôn nhân bảo đảm về mặt pháp lí. Tức là phải đăng kí kết hôn.
- Hôn nhân tiến bộ tự nguyện và tiến bộ còn thể hiện ở việc đảm bảo quyền tự do li hôn.
- **Thứ 2: Hôn nhân một vợ một chồng, vợ chồng bình đẳng.**
 - Hôn nhân dựa trên tình yêu chân chính là hôn nhân một vợ một chồng. Bởi vì, tình yêu là không thể chia sẻ được .
 - Bình đẳng trong quan hệ vợ chồng là nguyên tắc cơ bản trong gia đình mới .Sự bình đẳng không phải là sự cào bằng, chia đôi, mà là vợ chồng có nghĩa vụ và quyền lợi ngang nhau trong mọi mặt của đời sống gia đình.

(Tiết 2)

3. Gia đình, chức năng của gia đình, các mối quan hệ gia đình

a. Gia đình là gì?

- **Gia đình** là một cộng đồng người chung sống và gắn bó với nhau bởi hai mối quan hệ cơ bản là quan hệ hôn nhân và quan hệ huyết thống.

b. Chức năng của gia đình

- Chức năng duy trì nòi giống
- Chức năng kinh tế
- Chức năng tổ chức đời sống gia đình
- Chức năng nuôi dưỡng và giáo dục con cái

c. Mối quan hệ và trách nhiệm của mỗi thành viên (TỰ HỌC)

- Quan hệ giữa vợ và chồng: Vợ chồng phải có trách nhiệm chung thủy, yêu thương, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc, bền vững.
- Quan hệ giữa cha mẹ và con cái
 - Cha mẹ: Yêu thương, nuôi dưỡng, giáo dục con cái
 - Con cái: có nghĩa vụ yêu quý, kính trọng, biết ơn, hiếu thảo, vâng lời cha mẹ, phụng dưỡng, giữ gìn danh dự, truyền thống tốt đẹp của gia đình.
- Quan hệ giữa ông bà và các cháu
 - Ông bà: Có trách nhiệm yêu thương, chăm sóc, giáo dục con cháu, làm gương cho con cháu noi theo.
 - Con cháu: Có bổn phận yêu thương, kính trọng phụng dưỡng ông bà.
- Quan hệ giữa anh, chị, em: Có trách nhiệm yêu thương, đùm bọc, tôn trọng, bảo ban, chăm sóc và giúp đỡ nhau trong cuộc sống.

C. Câu hỏi liên hệ

D. Bài tập SGK

Bài 1 (trang 86 sgk Giáo dục công dân 10): Hiện nay, trong học sinh có những bạn nam và nữ chơi thân với nhau và giúp đỡ nhau trong học tập cũng như trong hoạt động

hàng ngày. Chúng ta có nên gán ghép và cho rằng hai bạn đó yêu nhau hay không? Theo em, ở lứa tuổi này đã nên yêu đương hay chưa? Vì sao?

Trả lời:

- Chúng ta không nên gán ghép rằng hai bạn đó yêu nhau vì như vậy là nhầm lẫn giữa tình yêu và tình bạn, dễ khiến hai bạn nảy sinh những hiểu lầm, xấu hổ dẫn đến bất hòa, tan vỡ tình bạn.

- Theo em, ở lứa tuổi này chưa nên yêu vì việc chính của học sinh là học tập, rèn luyện tri thức để hoàn thiện bản thân. Những tình cảm ở lứa tuổi này nên giữ ở tình bạn trong sáng, hồn nhiên để tình bạn luôn được bền vững.

Bài 2 (trang 86 sgk Giáo dục công dân 10): Trong bài học nêu lên một số điều nên tránh trong tình yêu. Em có đồng ý với những điều đó không? Nếu có ý kiến gì khác, em hãy cho biết ý kiến của mình.

Trả lời:

- Em đồng ý với những điều nên tránh trong tình yêu.

- Vì nếu yêu quá sớm, yêu một lúc nhiều người, yêu để chứng tỏ khả năng chinh phục bạn khác giới hoặc yêu đương vì mục đích vụ lợi, quan hệ tình dục trước hôn nhân có thể dẫn đến những hậu quả xấu, ảnh hưởng đến cuộc sống tương lai của bản thân. Vì vậy trước tình yêu cần suy nghĩ chín chắn, biết tự chịu trách nhiệm trước bản thân với những hành động của mình.

Bài 3 (trang 86 sgk Giáo dục công dân 10): Hiện nay, có một số người chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không muốn đăng ký kết hôn vì ngại sự ràng buộc của pháp luật. Em có đồng tình với cách sống này không? Vì sao?

Trả lời:

- Em không đồng tình với cách sống này.

- Vì sống với nhau như vợ chồng nhưng không kết hôn theo luật định thì không được coi là vợ chồng. Trong trường hợp này họ không được pháp luật bảo vệ với tư cách là gia đình, vợ, chồng. Lối sống này phản ánh sự thiếu tinh thần trách nhiệm với xã hội và dễ gây ra những hậu quả xấu.

Bài 4 (trang 86 sgk Giáo dục công dân 10): Theo em, điểm khác biệt lớn nhất trong chế độ hôn nhân hiện nay ở nước ta với chế độ hôn nhân trong xã hội phong kiến trước đây là gì?

Trả lời:

- Hôn nhân là quan hệ giữa vợ và chồng sau khi đã kết hôn.

* Chế độ hôn nhân nước ta hiện nay:

+ Hôn nhân 1 vợ 1 chồng, vợ chồng bình đẳng.

+ Hôn nhân tự nguyện, tiến bộ dựa trên tình yêu chân chính: Tự nguyện: Cá nhân tự do kết hôn theo luật định; tiến bộ: bảo đảm về mặt pháp lí (có đăng kí kết hôn). Hôn nhân tự nguyện và tiến bộ còn thể hiện ở việc bảo đảm nguyên tắc tự do li hôn.

* Chế độ hôn nhân trong xã hội phong kiến trước kia:

+ Trai năm thê bảy thiếp, gái chính chuyên chỉ có một chồng.

+ Hôn nhân cho cha mẹ sắp đặt, tiêu chuẩn là sự môn đăng hộ đối.

+ Trong nhà "chồng chúa vợ tôi"

+ Nữ thập tam, nam thập lục (tảo hôn).

- Điểm khác biệt lớn nhất của chế độ hôn nhân hiện nay ở nước ta với chế độ hôn nhân trong xã hội phong kiến trước đây là hôn nhân tự nguyện, tiến bộ, một vợ một chồng, vợ chồng bình đẳng.

Bài 5 (trang 86 sgk Giáo dục công dân 10): Trước đây, quan niệm về một gia đình có phúc là “con đàn, cháu đống”. Em thấy quan niệm này còn phù hợp trong xã hội ngày nay không? Vì sao?

Trả lời:

- Quan niệm này không còn phù hợp trong xã hội ngày nay.

- Vì:

+ Trước đây, lao động nông nghiệp cần nhiều nhân công nên gia đình nhiều con sẽ có lợi trong sản xuất, hỗ trợ kinh tế gia đình.

+ Ngày nay, sinh nhiều con sẽ tạo nên gánh nặng cho kinh tế gia đình, tạo áp lực về dân số cho quốc gia. Mỗi gia đình chỉ nên có một hoặc hai con để nuôi dạy cho tốt, tạo điều kiện để con cái được chăm sóc phát triển toàn diện.

Bài 6 (trang 86 sgk Giáo dục công dân 10): Em hãy sưu tầm một số câu ca dao, tục ngữ về tình yêu, hôn nhân và gia đình.

Trả lời:

“Đôi ta như thể con dao

Nặng liếc nên sắc, nặng chào nên thương”

“Ước gì sông rộng một gang

Bắc cầu dải yếm cho chàng sang chơi”

“Hôm qua tát nước đầu đình,

Bỏ quên cái áo trên cành hoa sen

Em được thì cho anh xin

Hay là em để làm tin trong nhà

Áo anh sứt chỉ đường tà

Vợ anh chưa có mẹ già chưa khâu”

“Thuận vợ thuận chồng tát biển đông cũng cạn”

“Râu tôm nấu với ruột bầu

Chồng chan vợ húp gật đầu khen ngon”

“Rủ nhau xuống bể mò cua

Đem về nấu quả mơ chua trên rừng

Em ơi chua ngọt đã từng

Non xanh nước bạc ta đừng quên nhau

Bài 13: CÔNG DÂN VỚI CỘNG ĐỒNG
(Tiết 1)

A. Nội dung bài học

1. Công dân và vai trò của cộng đồng đối với đời sống của con người

a. Cộng đồng là gì?

Cộng đồng là toàn thể những người cùng sống, có những điểm giống nhau, gắn bó thành một khối trong sinh hoạt xã hội.

b. Vai trò của cộng đồng đối với cuộc sống của con người

- Cộng đồng chăm lo cuộc sống cho cá nhân

- Đảm bảo cho mọi người có điều kiện phát triển
- Cộng đồng giải quyết các mối quan hệ hợp lý giữa lợi ích riêng chung, giữa lợi ích và trách nhiệm, giữa quyền và nghĩa vụ của mỗi cá nhân trong cộng đồng.
- Cá nhân phát triển trong cộng đồng và tạo sức mạnh cho cộng đồng

(Tiết 2)

2. Trách nhiệm của công dân đối với cộng đồng

a. Nhân nghĩa

- Là lòng thương người và đối với người theo lẽ phải
- **Ý nghĩa**
 - Giúp cho cuộc sống của con người trở nên tốt đẹp hơn.
 - Con người thêm yêu thương cuộc sống, có sức mạnh để vượt qua khó khăn và thử thách.
 - Là truyền thống tốt đẹp của dân tộc ta.
- **Biểu hiện**
 - Nhân ái, yêu thương, giúp đỡ nhau
 - Nhường nhịn, nhường nhịn, nhường nhịn
 - Vị tha, bao dung độ lượng
- **Trách nhiệm của học sinh**
 - Kính trọng, biết ơn hiếu thảo với ông bà cha mẹ
 - Quan tâm giúp đỡ mọi người
 - Cảm thông, bao dung, độ lượng, vị tha
 - Tích cực tham gia hoạt động "Uống nước nhớ nguồn", "Đền ơn đáp nghĩa"
 - Kính trọng biết ơn các vị anh hùng dân tộc, những anh hùng có công với cách mạng, với đất nước.
 - Tôn trọng giữ gìn truyền thống tốt đẹp của dân tộc

b. Hòa nhập

- Sống hòa nhập là sống gần gũi, chan hòa không xa cách xa mọi người. Không gây mâu thuẫn, bất hòa với người khác. Có ý thức tham gia hoạt động chung của cộng đồng
- **Ý nghĩa**
 - Thêm niềm vui và sức mạnh để vượt qua khó khăn
 - Ngược lại, người sống không hòa nhập sẽ cảm thấy đơn độc, buồn tẻ, cuộc sống sẽ kém ý nghĩa.
- **Trách nhiệm của học sinh**
 - Tôn trọng, đoàn kết thương yêu, giúp đỡ bạn bè, thầy cô và mọi người
 - Tích cực tham gia các hoạt động tập thể, hoạt động xã hội do nhà trường và địa phương tổ chức. Đồng thời vận động mọi người cùng tham gia.

c. **Hợp tác** là cùng chung sức làm việc, giúp đỡ, hỗ trợ lẫn nhau trong một công việc, một lĩnh vực nào đó vì mục đích chung”

- **Biểu hiện**
 - Cùng bàn bạc, phối hợp nhịp nhàng
 - Hiểu biết về nhiệm vụ của nhau
 - Sẵn sàng giúp đỡ nhau khi cần thiết.
- **Ý nghĩa**
 - Tạo nên sức mạnh tinh thần và thể chất
 - Đem lại chất lượng hiệu quả cao
 - Là yêu cầu đạo đức quan trọng của mỗi con người trong xã hội hiện tại
- **Nguyên tắc hợp tác**
 - Tự nguyện, bình đẳng
 - Hai bên cùng có lợi
 - Không làm phương hại đến lợi ích của những người khác
- **Các loại hợp tác**
 - Hợp tác song phương, đa phương
 - Hợp tác từng lĩnh vực hoặc toàn diện;
 - Hợp tác giữa các cá nhân, nhóm, giữa các cộng đồng, dân tộc, quốc gia.
- **Trách nhiệm của học sinh**
 - Cùng nhau bàn bạc, đóng góp ý kiến, phân công xây dựng kế hoạch cụ thể
 - Nghiêm túc thực hiện
 - Phối hợp nhịp nhàng, chia sẻ đóng góp ý kiến cho nhau
 - Đánh giá và rút kinh nghiệm

B. Câu hỏi liên hệ

Người không sống hòa nhập sẽ cảm thấy đau đớn, buồn tẻ, cuộc sống sẽ kém ý thức.

C. Bài tập SGK

Bài 1 (trang 94 sgk Giáo dục công dân 10): Hãy nêu ý nghĩa của các câu tục ngữ, thành ngữ, ca dao dưới đây:

- Môi hở răng lạnh
- Máu chảy ruột mềm
- Nhường cơm sẻ áo
- Bầu ơi thương lấy bí cùng

Tuy rằng khác giống nhưng chung một giàn

Trả lời:

- Ý nghĩa:

+ Môi hở răng lạnh: Những người thân thuộc phải nhờ cậy và giúp đỡ lẫn nhau, hỗ trợ lẫn nhau, nếu không sẽ tổn hại cho nhau, là sự gắn bó khăng khít, ảnh hưởng lẫn nhau giữa những người có quan hệ gần gũi, thân thuộc.

+ Máu chảy ruột mềm: Những người trong máu mủ, họ hàng khi gặp hoạn nạn thì anh em, họ hàng cũng cảm thấy thương xót, đau đớn.

+ Nhường cơm sẻ áo: San sẻ, giúp đỡ cho nhau những thứ tối cần thiết cho đời sống khi thiếu thốn, khó khăn

+ Bầu ơi thương lấy bí cùng

Tuy rằng khác giống nhưng chung một giàn: Con người phải biết yêu thương, đùm bọc lẫn nhau. Tuy không cùng một mẹ sinh ra nhưng cũng cùng chung dòng máu con Rồng cháu Tiên, là anh em một nhà.

- Những câu tục ngữ, thành ngữ, ca dao này muốn nhắc chúng ta khi sống phải biết yêu thương, có trách nhiệm với anh em gia đình và với cộng đồng xã hội.

Bài 2 (trang 94 sgk Giáo dục công dân 10): Hãy tìm hiểu về những hoạt động của lớp, trường, địa phương em thể hiện truyền thống nhân nghĩa của dân tộc ta

Trả lời:

- Ủng hộ đồng bào miền Trung lũ lụt

- Giúp đỡ trẻ em nghèo vùng cao mùa lạnh có quần áo ấm

- Các chuyến từ thiện của học sinh, sinh viên đến viện Huyết học truyền máu Trung Ương, chương trình Hiến máu nhân đạo

- Tri ân các bà mẹ Việt Nam anh hùng, các đồng chí thương binh, bệnh binh, gia đình liệt sĩ

- Mua tấm, mua đồ dùng học tập ủng hộ người mù.

Bài 3 (trang 94 sgk Giáo dục công dân 10): Em hãy cùng các bạn lập kế hoạch giúp đỡ những học sinh có hoàn cảnh khó khăn trong lớp, trong trường hoặc những người có hoàn cảnh khó khăn ở địa phương.

Trả lời:

- Tìm hiểu về hoàn cảnh gia đình các bạn, lập danh sách những bạn có hoàn cảnh khó khăn trong lớp, trường. Lên kế hoạch kêu gọi ủng hộ giúp đỡ. Viết đơn xin nhà trường miễn, giảm học phí cho các bạn, giúp các bạn sách vở, tài liệu học tập.
- Kêu gọi ủng hộ quần áo ấm, đồ dùng sinh hoạt và mang đến tặng những người có hoàn cảnh khó khăn ở địa phương,

Bài 4 (trang 94 sgk Giáo dục công dân 10): Thế nào là sống hòa nhập? Điều gì sẽ xảy ra đối với người sống không hòa nhập với cộng đồng, xã hội? Vì sao?

Trả lời:

- Sống hòa nhập là sống gần gũi, chan hòa, không xa lánh mọi người; không gây mâu thuẫn, bất hòa với người khác; có ý thức tham gia các hoạt động chung của cộng đồng.
- Người sống không hòa nhập sẽ cảm thấy đơn độc, buồn tẻ, cuộc sống sẽ kém ý nghĩa.
- Vì người sống không hòa nhập sẽ không có người để tâm sự, chia sẻ buồn vui, không quan tâm giúp đỡ mọi người, cũng không được mọi người giúp đỡ, không tham gia các hoạt động chung ý nghĩa. Đó là lối sống ích kỉ và sẽ không có được niềm vui.

Bài 5 (trang 94 sgk Giáo dục công dân 10): Em tán thành hay không tán thành với từng ý kiến dưới đây? Vì sao?

- Biết hợp tác với nhau cùng nâng cao chất lượng và hiệu quả công việc chung.**
- Chỉ nên hợp tác với người khác khi mình cần sự giúp đỡ của họ.**
- Chỉ những người có năng lực yếu kém mới cần phải hợp tác.**
- Việc của ai, người nấy biết**
- Hợp tác trong công việc giúp mỗi người học hỏi được nhiều điều hay từ những người khác.**

Trả lời:

Biết hợp tác với nhau cùng nâng cao chất lượng và hiệu quả công việc chung:

+ Đồng ý vì khi 2 bên biết hợp tác và đem lại lợi ích có lợi cho 2 bên thì cả 2 sẽ cùng phát triển nhanh hơn là làm việc độc lập

Chỉ nên hợp tác với người khác khi mình cần sự giúp đỡ của họ:

+ Không đồng ý vì như vậy là ích chi, chỉ biết đến bản thân và lần sau sẽ khó nhận được thêm sự giúp đỡ.

Chỉ những người có năng lực yếu kém mới cần phải hợp tác.

+ Không đồng ý: Ai cũng cần phải hợp tác, tùy vào các công việc cụ thể. Có những việc rất khó, lâu dài, khối lượng lớn thì dù người giỏi đến đâu cũng khó hoàn thành. Hơn nữa, có sự hợp tác, công việc sẽ hoàn thành nhanh hơn, hiệu quả hơn khi làm một mình.

Việc của ai, người nấy biết

+ Không đồng ý: Vì đây là tư tưởng ích kỉ, sống không hòa nhập, không được mọi người giúp đỡ, yêu quý, về lâu dài sẽ phải nhận những hậu quả không tốt.

Hợp tác trong công việc giúp mỗi người học hỏi được nhiều điều hay từ những người khác.

+ Đồng ý: Vì khi hợp tác sẽ giúp mình tiến bộ hơn, tiếp thu được cái tốt, nhìn thấy và tránh những cái xấu của họ, phát triển nhân cách, biết điều chỉnh hành vi bản thân, tăng thêm nhiều kỹ năng như khả năng giao tiếp, khả năng làm việc nhóm.

Bài 6 (trang 94 sgk Giáo dục công dân 10): Hãy tìm hiểu và giới thiệu về một thành quả của sự hợp tác giữa các bạn trong lớp, trong trường em hoặc giữa địa phương em với các địa phương khác.

Trả lời:

- Trong lớp, các bạn hợp tác để bảo vệ môi trường: tắt điện vào giờ 10 phút ra chơi, cùng nhau dọn vệ sinh lớp, cùng nhau giúp đỡ các bạn yếu học tốt hơn...

- Hợp tác làm từ thiện: Các bạn quyên góp sách vở, đồ dùng học tập, quần áo ấm cho trẻ em vùng cao. Cùng nhau làm các sản phẩm handmade bán lấy tiền làm từ thiện...

Bài 7 (trang 94 sgk Giáo dục công dân 10): Em hãy lập kế hoạch cùng hợp tác với các bạn trong nhóm, trong tổ, trong lớp để thực hiện một công việc chung của tập thể.

Trả lời:

- Lựa chọn công việc chung là gì?

- Ai sẽ là trưởng nhóm?

- Phân công công việc cho từng bạn.

- Tiến hành làm việc
- Nghiệm thu kết quả.

Bài 14: CÔNG DÂN VỚI SỰ NGHIỆP XÂY DỰNG VÀ BẢO VỆ TỔ QUỐC

A. Nội dung bài học

1. Lòng yêu nước

a. Lòng yêu nước là gì?

- **Lòng yêu nước** là tình yêu quê hương, đất nước và tinh thần sẵn sàng đem hết khả năng của mình phục vụ lợi ích của Tổ quốc.
- Lòng yêu nước xuất phát từ những tình cảm bình dị nhất và gần gũi nhất đối với con người....

b. Truyền thống yêu nước của dân tộc Việt Nam (TỰ HỌC)

- Yêu nước là một truyền thống đạo đức cao quý và thiêng liêng nhất của dân tộc Việt Nam, là cội nguồn của hàng loạt các giá trị truyền thống khác của dân tộc.
- Người Việt Nam yêu đất nước của mình, tình yêu đó được hình thành và hun đúc từ trong cuộc đấu tranh liên tục, gian khổ và kiên cường chống giặc ngoại xâm và lao động xây dựng đất nước.

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nói: “ ... Dân ta có một lòng nồng nàn yêu nước. Đó là một truyền thống quý báu của ta. Từ xưa đến nay, mỗi khi Tổ quốc bị xâm lăng, thì tinh thần ấy lại sôi nổi, nó kết thành một làn sóng vô cùng mạnh mẽ, to lớn, nó lướt qua mọi sự nguy hiểm, khó khăn, nó nhấn chìm tất cả bè lũ bán nước và lũ cướp nước ...”

- Truyền thống yêu nước là sức mạnh nội sinh giúp đất nước ta, dân tộc ta vượt qua bao khó khăn, thử thách, chiến thắng thiên tai khắc nghiệt và giặc ngoại xâm, tồn tại và phát triển với đầy đủ bản sắc của mình.
- Tình cảm gắn bó với quê hương, đất nước: người Việt Nam yêu nước luôn luôn hướng về cội nguồn, về ông bà, cha mẹ, tổ tiên và quê hương của mình, luôn nhớ về quê hương, hướng về Tổ quốc dù có xa cách.
- Tình yêu thương đồng bào, giống nòi, dân tộc.
- Tình yêu thương đối với đồng bào, giống nòi, dân tộc: đồng bào, giống nòi là những gì thiêng liêng nhất gắn bó con người Việt Nam với nhau. Mỗi người dân Việt Nam yêu nước đều cảm thông sâu sắc với nỗi đau của đồng bào, dân tộc, luôn mong muốn đồng bào của mình được sống ấm no, hạnh phúc.

→ Nói đến quê hương, Tổ quốc, chúng ta tự hào nhất là những gì? Lòng tự hào dân tộc chính đáng.

- **Lòng tự hào dân tộc chính đáng:** người Việt Nam luôn tự hào về truyền thống văn hóa lâu đời, đậm đà bản sắc dân tộc và có sức sống mạnh mẽ của dân tộc mình, tự hào về những con người của quê hương, đất nước, những anh hùng hào

kiệt, những danh nhân văn hóa, tự hào về non sông gấm vóc và những sản vật phong phú của quê hương.

- Đoàn kết, kiên cường bất khuất chống giặc ngoại xâm, bảo vệ chủ quyền dân tộc và nền độc lập tự do của Tổ quốc, không bao giờ chịu làm nô lệ, làm người dân mất nước hoặc lệ thuộc nước ngoài. Tinh thần đoàn kết, kiên cường bất khuất chống giặc ngoại xâm là nét nổi bật của truyền thống yêu nước Việt Nam.
- Cần cù và sáng tạo trong lao động để xây dựng, phát triển nền văn hóa dân tộc và xây dựng đất nước ngày càng giàu đẹp.
- Người Việt Nam vốn có truyền thống cần cù, sáng tạo trong lao động. Mỗi người Việt Nam yêu nước đều lao động hết mình để xây dựng cuộc sống ấm no, hạnh phúc, đóng góp xây dựng quê hương và có những hành động thiết thực góp phần xây dựng và phát triển nền văn hóa dân tộc.

c. Biểu hiện của lòng yêu nước

- Tình cảm gắn bó với quê hương, đất nước.
- Tình thương yêu đối với đồng bào, giống nòi, dân tộc.
- Lòng tự hào dân tộc chính đáng.
- Đoàn kết, kiên cường bất khuất chống giặc ngoại xâm.
- Cần cù và sáng tạo trong lao động.

2. Trách nhiệm xây dựng tổ quốc.

- Thanh niên học sinh cần phải :

- + Chăm chỉ, sáng tạo trong học tập và lao động.
- + Tích cực rèn luyện đạo đức tác phong và lối sống
- + Quan tâm đến đời sống chính trị xã hội ở địa phương và của đất nước
- + Tích cực xây dựng quê hương đất nước
- + Đấu tranh, phê phán với những việc làm sai trái.

- Trách nhiệm bảo vệ tổ quốc.

- Bảo vệ tổ quốc là quyền, nghĩa vụ thiêng liêng, cao quý của công dân. (điều 77 - HP 92)

- Trách nhiệm của thanh niên, học sinh.

- Trung thành với Tổ quốc, với chế độ xã hội chủ nghĩa.
- Tích cực học tập, rèn luyện thân thể.
- Tham gia đăng ký nghĩa vụ quân sự khi đến tuổi; sẵn sàng lên đường làm nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc.
- Tích cực tham gia các hoạt động bảo vệ an ninh, quốc phòng ở địa phương.
- Vận động mọi người thực hiện tốt nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc.

B. Bài tập SGK

Bài 1 (trang 101 sgk Giáo dục công dân 10): Thế nào là lòng yêu nước? Em nghĩ gì về truyền thống yêu nước của dân tộc ta?

Trả lời:

- Lòng yêu nước là tình yêu quê hương, đất nước và tinh thần sẵn sàng đem hết khả năng của mình phục vụ cho lợi ích của tổ quốc.
- Lòng yêu nước bắt nguồn từ những tình cảm bình dị nhất, gần gũi nhất với con người như tình yêu gia đình, yêu người thân, yêu những thành quả lao động do mình làm ra,...
- Truyền thống yêu nước của dân tộc ta là một truyền thống đạo đức cao quý và thiêng liêng, là cội nguồn của hàng loạt các giá trị truyền thống khác của dân tộc. Chính truyền thống yêu nước là sức mạnh nội sinh giúp đất nước ta, dân tộc ta vượt qua bao khó khăn, thử thách, chiến thắng thiên tai khắc nghiệt và giặc ngoại xâm, tồn tại và phát triển với đầy đủ bản sắc dân tộc mình.

Bài 2 (trang 101 sgk Giáo dục công dân 10): Xử lý tình huống:

a. Anh trai Hùng có giấy gọi nhập ngũ. Bố mẹ Hùng không muốn cho con đi nên đã bàn nhau tìm cách xin cho anh ở lại.

Theo em, Hùng nên làm gì khi biết ý định của bố mẹ? Vì sao?

b. Thanh được địa phương cử và cấp kinh phí cho đi học để sau này trở về phục vụ quê hương. Nhưng sau khi học xong, Thanh đã tìm mọi cách để được ở lại thành phố.

Nếu là bạn của Thanh, em có thể làm gì?

c. Sau khi tốt nghiệp phổ thông, Tiến muốn theo học và phát triển nghề truyền thống của gia đình, dòng họ mình mà bạn có năng khiếu và rất yêu thích nó. Song, nhiều bạn bè cho rằng, Tiến làm như vậy là không có tương lai, thanh niên phải theo học những ngành khoa học – kĩ thuật hiện đại mới là phù hợp.

Nếu là Tiến, em sẽ làm gì?

Trả lời:

a. Hùng nên nói chuyện với ba mẹ và phân tích cho ba mẹ hiểu là làm như thế không đúng, trái với Luật Nghĩa vụ quân sự. Hùng và anh trai phải thuyết phục bố mẹ, rằng đi bộ đội là nghĩa vụ và quyền lợi của công dân khi đến tuổi trưởng thành. Vào quân ngũ anh trai Hùng còn được đào tạo và rèn luyện để trở thành người sống có kỉ luật, có trách nhiệm và có ích. Việc đi nhập ngũ là thể hiện lòng yêu quê hương đất nước, trách nhiệm của cá nhân đối với quốc gia, dân tộc và đó cũng là cách trang bị kiến thức và sức khỏe phòng khi đất nước gặp chiến tranh sẽ có thể góp sức bảo vệ tổ quốc.

b. Em có thể khuyên Thanh trở về làm việc ở quê hương, làm tròn trách nhiệm đối với quê hương vì địa phương cấp kinh phí cho Thanh đi học là để sau này trở về phục vụ quê hương. Điều đó rất cần thiết với tất cả mọi vùng quê trên khắp Việt Nam. Nếu Thanh cố tình ở lại thành phố thì sẽ là không thực hiện nghĩa vụ của mình với quê hương, làm mất thiện cảm và niềm tin mọi người mong đợi.

c. Tiến hãy làm theo mong muốn của mình vì mỗi người có 1 chí hướng khác nhau, nếu cố gắng Tiến sẽ thành công và có thể thành công hơn những người bạn của mình. Con người cần có ước mơ và phải biết bảo vệ mơ ước của mình để biến nó thành sự thật. Không phân biệt nghề truyền thống hay hiện đại, miễn bạn có khả năng, yêu thích và quyết tâm thực hiện để xây dựng nền kinh tế của bản thân và gia đình là điều đáng quý. Hơn thế nữa, giữ gìn và phát huy những truyền thống tốt đẹp của gia đình dòng họ là một điều vô cùng đáng quý và được khuyến khích trong đời sống nhân dân ta hiện nay.

Bài 3 (trang 102 sgk Giáo dục công dân 10): Hãy tìm hiểu về các hoạt động, các phong trào xây dựng quê hương của học sinh trường em, của thanh niên ở địa phương em.

Trả lời:

- Phong trào thanh niên tự quản, giữ xanh đường làng ngõ xóm.
- Đến thăm và tặng quà các đồng chí thương binh nặng ở Kim Bảng – Hà Nam.
- Tham gia chương trình đền ơn đáp nghĩa ở địa phương
- Tham gia tổ chức thực hiện chương trình Vòng quay xanh để ủng hộ bảo vệ môi trường

Bài 4 (trang 102 sgk Giáo dục công dân 10): Hãy tìm hiểu về những hoạt động góp phần vào sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc ở địa phương em (ví dụ: Tình hình thực hiện nghĩa vụ quân sự ở địa phương, các hoạt động “đền ơn đáp nghĩa” đối với các gia đình thương binh, liệt sĩ, bộ đội neo đơn, gia đình có công với cách mạng của trường, của địa phương; gương chiến đấu, hi sinh để bảo vệ tổ quốc của các thương binh, liệt sĩ, chiến sĩ,... người địa phương; các hoạt động của đội dân phòng, tổ an ninh địa phương,...)

Trả lời:

- 100% thanh niên đủ độ tuổi, đạt yêu cầu đều tham gia nghĩa vụ quân sự
- Đội thanh niên xung kích địa phương tham gia phân làn, điều khiển các điểm nút giao thông giờ tan tầm.

- Giúp đỡ các gia đình thương, bệnh binh, liệt sĩ,

Bài 15: CÔNG DÂN VỚI MỘT SỐ VẤN ĐỀ CẤP THIẾT CỦA NHÂN LOẠI

1. Ô nhiễm môi trường và trách nhiệm của công dân trong việc bảo vệ môi trường

a. Ô nhiễm môi trường (TỰ HỌC)

D. Môi trường là gì?

- "Môi trường bao gồm các yếu tố tự nhiên và yếu tố vật chất nhân tạo quan hệ mật thiết với nhau, bao quanh con người, có ảnh hưởng tới đời sống, sản xuất, sự tồn tại, phát triển của con người và thiên nhiên."
- Có quan hệ mật thiết với nhau, bao quanh con người như: Đất, nước, khí quyển, tài nguyên các loại trong lòng đất, dưới biển, trên rừng....
- Có ảnh hưởng đến đời sống, sản xuất, sự tồn tại và phát triển của con người và thiên nhiên.

E. Nguyên nhân gây ô nhiễm môi trường

- Do hoạt động của con người
- Do hoạt động của tự nhiên (núi lửa phun, thiên tai ...)

F. Hậu quả

- Mất cân bằng sinh thái và ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống của con người.

G. Bảo vệ môi trường là trách nhiệm của tất cả các quốc gia, dân tộc là lương tâm trách nhiệm đạo đức của mỗi con người.

b. Trách nhiệm của công dân

- Bảo vệ môi trường thực chất là khắc phục mâu thuẫn nảy sinh trong quan hệ giữa con người với tự nhiên, làm thế nào để hoạt động của con người không phá vỡ các yếu tố cân bằng của tự nhiên.
- Đối với học sinh:
 - Giữ gìn trật tự vệ sinh lớp học, nơi ở, công cộng.
 - Bảo vệ và sử dụng tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên: bảo vệ nguồn nước, các giống loài động thực vật...
 - Tích cực tham gia các hoạt động bảo vệ môi trường: trồng cây dọn vệ sinh
 - Phê phán các hành vi làm ảnh hưởng không tốt đến môi trường, tố cáo những hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường

2. Sự bùng nổ dân số và trách nhiệm của công dân trong việc hạn chế sự bùng nổ dân số

a. Sự bùng nổ dân số (TỰ HỌC)

- Bùng nổ dân số là sự gia tăng dân số một cách quá nhanh trong một thời gian ngắn, gây ảnh hưởng tiêu cực đến mọi mặt của đời sống xã hội.

→ Dân số Việt Nam ngày càng tăng nhanh, giai đoạn tăng vượt bậc là 1960 đến 1976 trong vòng 10 năm dân số nước ta từ 30 ngàn lên đến 49 ngàn người và những năm sau đó có dấu hiệu tăng đều qua các năm cho đến 2008 dân số nước ta hơn 88 ngàn người.

- **Hậu quả của bùng nổ dân số là gì?**
 - Mất cân bằng tự nhiên và xã hội
 - Cạn kiệt tài nguyên, ô nhiễm môi trường
 - Kinh tế nghèo nàn.
 - Nạn thất nghiệp.
 - Thất học, mù chữ.
 - Suy thoái nòi giống.
 - Tệ nạn xã hội gia tăng.
 - Dịch bệnh nguy hiểm.

b. Trách nhiệm của công dân

- Nghiêm chỉnh thực hiện và tuyên truyền vận động mọi người thực hiện Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000 và chính sách dân số - kế hoạch hoá gia đình của nhà nước.
- Không kết hôn sớm, không sinh con ở tuổi vị thành niên, thực hiện kế hoạch mỗi gia đình chỉ có từ 1 đến 2 con...
- Tích cực tuyên truyền, vận động mọi người cùng thực hiện.

3. Những dịch bệnh hiểm nghèo và trách nhiệm của công dân trong việc phòng ngừa, đẩy lùi những dịch bệnh hiểm nghèo

a. Dịch bệnh hiểm nghèo

- Nhân loại ngày nay đang phải đối mặt những căn bệnh nguy hiểm như: Lao, tim, phổi, dịch tả, sốt rét, dịch cúm gia cầm, SARS...đặc biệt là HIV & AIDS

Biểu đồ sự phát triển của AIDS trên toàn thế giới từ 1990, tính theo triệu người mắc bệnh

- Những năm 80 của thế kỷ XX phát hiện ra ca nhiễm đầu tiên. Tháng 12 năm 2006 trên phạm vi toàn cầu có gần 40 triệu người nhiễm HIV. Trong đó trên 90% tập trung ở các nước đang phát triển.
- Virus Corona (Covid-19).
- **Ở Việt Nam**
 - Tính đến ngày 31/10/2008, toàn bộ 63 tỉnh, thành phố đã phát hiện có người nhiễm HIV: 97,52% quận huyện 69,93% phường xã phát hiện người có nhiễm HIV/AIDS.
 - Số trường hợp nhiễm HIV/AIDS hiện đang còn sống được báo cáo trên toàn quốc là 15235.171, trong đó có 29.134 trường hợp đã chuyển sang giai đoạn AIDS.
 - Nhiễm HIV ở Việt Nam tập trung chủ yếu ở độ tuổi từ 20-39 tuổi (chiếm 83,44%) trong tổng số các trường hợp nhiễm HIV được phát hiện.
- **Nguyên nhân**
 - Do môi trường sống ô nhiễm.
 - Người dân và nhà nước ít quan tâm và đề phòng dịch bệnh.

- Trình độ khoa học chưa phát triển → dịch bệnh lan truyền nhanh và khó kiểm soát.
- Kinh tế kém phát triển → khó đề phòng và ngăn chặn dịch bệnh.

b. Trách nhiệm của công dân

- Rèn luyện sức khỏe.
- Tránh xa các tệ nạn xã hội.
- Tuyên truyền các biện pháp
- Phòng tránh dịch bệnh.

⇒ Hiện nay, chúng ta đang đứng trước nhiều vấn đề khó khăn và phức tạp, nếu không được giải quyết thì cuộc sống của chúng ta sẽ bị ngay chính bản thân mình hủy hoại. Vì vậy mỗi cá nhân hãy chung tay cùng cộng đồng bảo vệ môi trường, hạn chế sự gia tăng dân số, đẩy lùi các dịch bệnh hiểm nghèo để làm cho cuộc sống con người trên trái đất này ngày càng tốt đẹp hơn.

B. Bài tập SGK

Bài 1 (trang 111 sgk Giáo dục công dân 10): Vì sao ô nhiễm môi trường, bùng nổ dân số, các dịch bệnh hiểm nghèo, là những vấn đề cấp thiết của nhân loại hiện nay?

Trả lời:

Ô nhiễm môi trường, bùng nổ dân số, các dịch bệnh hiểm nghèo, . . . là những vấn đề cấp thiết của nhân loại hiện nay. Vì đây là những vấn đề đã và đang diễn ra một cách phổ biến trên toàn thế giới (mang tính toàn cầu) và hậu quả của những vấn đề này là rất lớn, rất nghiêm trọng, ảnh hưởng trực tiếp đến sinh hoạt, đời sống, sự tồn tại, phát triển, sự sống còn của con người và sinh vật trên Trái đất

- Cuộc sống của con người luôn gắn bó mật thiết với tự nhiên. Tuy nhiên, trong quá trình hoạt động, con người đã vi phạm nghiêm trọng các yếu tố cân bằng của tự nhiên một cách liên tục và ngày càng lớn. Môi trường đất, nước, khí quyển... đều bị ô nhiễm nặng nề. Các loại tài nguyên đã dần bị cạn kiệt, . . . Các nhà khoa học đã cảnh báo rằng nếu tiếp tục hủy hoại môi trường sống, loài người có nguy cơ tự hủy diệt mình.

- Bùng nổ dân số đã trở thành nỗi lo của nhiều nước trên thế giới, của cả cộng đồng quốc tế, làm cạn kiệt tài nguyên, suy thoái trầm trọng nền kinh tế quốc dân, gây ra nạn đói, dịch bệnh, thất học, thất nghiệp, suy thoái nòi giống, ô nhiễm môi trường...

- Các dịch bệnh hiểm nghèo như lao, dịch tả, tim mạch, huyết áp, ung thư... đặc biệt là HIV/AIDS đang uy hiếp đến sự sống của toàn nhân loại. Vì vậy, các quốc gia, dân tộc và cộng đồng quốc tế phải hợp tác, đầu tư trí tuệ, sức lực, của cả để giải quyết, ngăn chặn và đẩy lùi các căn bệnh hiểm nghèo.

Bài 2 (trang 111 sgk Giáo dục công dân 10): Hãy tìm hiểu và giới thiệu với các bạn trong lớp về một hoạt động của trường em, địa phương em, của nước ta hoặc quốc tế để tham gia giải quyết một trong các vấn đề trên

Em và các bạn có thể làm gì để góp phần vào việc giải quyết các vấn đề đó?

Trả lời:

- Nước ta đã ban hành Luật Bảo vệ môi trường năm 2005; tham gia các công ước quốc tế về môi trường; đẩy mạnh tuyên truyền giáo dục về vấn đề dân số kế hoạch hóa gia đình; ban hành Luật Phòng chống ma túy,
- Học sinh, sinh viên tham gia tích cực các phong trào bảo vệ môi trường, giữ sạch đường phố, tích cực ủng hộ chương trình giờ trái đất,
- Em và các bạn có thể giữ gìn trật tự, vệ sinh trường lớp, nơi ở và các nơi công cộng; sử dụng tiết kiệm điện nước, hạn chế xả rác ra môi trường, sử dụng các sản phẩm thân thiện với môi trường; nghiêm chỉnh thực hiện Luật hôn nhân và Gia đình; tích cực rèn luyện thể dục thể thao, bảo vệ sức khỏe, tham gia các hoạt động lành mạnh để tránh sa vào tệ nạn xã hội; tích cực tham gia các hoạt động phòng chống tệ nạn, dịch bệnh...

Bài 16: TỰ HOÀN THIỆN BẢN THÂN

A. Nội dung bài học

1. Thế nào là tự nhận thức về bản thân

- Tự nhận thức về bản thân là biết nhìn nhận, đánh giá về khả năng, thái độ, hành vi, việc làm, điểm mạnh, điểm yếu... của bản thân
- Không ai giống nhau hoàn toàn, mỗi người đều có bản sắc riêng với những tiềm năng, sở thích thói quen, điểm mạnh điểm yếu riêng. Hơn nữa không ai hoàn thiện, hoàn mỹ và cũng không ai chỉ toàn nhược điểm.
- Để ngày càng tiến bộ cần:
 - Tự tin vào bản thân, quý trọng bản thân, đừng mặc cảm, tự ti với bản thân
 - Cần phát huy điểm mạnh, khắc phục hạn chế điểm yếu.

2. Tự hoàn thiện bản thân

- Tự hoàn thiện bản thân là vượt lên khó khăn, trở ngại, không ngừng lao động, học tập, tu dưỡng rèn luyện.
- Phát huy ưu điểm, khắc phục sửa chữa khuyết điểm, học hỏi những điều hay điểm tốt của người khác để bản thân ngày càng một tốt hơn, tiến bộ hơn.
- **Vì sao tự hoàn thiện bản thân?**
 - Mỗi người đều có điểm mạnh và điểm hạn chế riêng
 - Xã hội ngày càng phát triển, do đó, việc bản thân tự hoàn thiện mình là tất yếu để đáp ứng đòi hỏi của xã hội.

- Tự hoàn thiện mình là phẩm chất quan trọng của thanh thiếu niên giúp cho cá nhân, gia đình và cộng đồng ngày càng tiến bộ.

3. Tự hoàn thiện bản thân như thế nào? (TỰ HỌC)

a. Yêu cầu chung

- Mỗi người đều có quyền phấn đấu tu dưỡng, rèn luyện để tự hoàn thiện mình theo các giá trị đạo đức.
- Có quyền được nhận sự hỗ trợ, giúp đỡ của gia đình, nhà trường, bạn bè, xã hội để thực hiện mục tiêu tự hoàn thiện bản thân.

b. Học sinh cần làm gì?

- Tự nhận thức đúng bản thân
- Có kế hoạch phấn đấu, rèn luyện
- Xác định rõ những biện pháp cần thực hiện
- Xác định những thuận lợi, khó khăn, quyết tâm thực hiện
- Biết tìm sự giúp đỡ của những người tin cậy

B. Bài tập SGK

Bài 1 (trang 114 sgk Giáo dục công dân 10): Thế nào là tự hoàn thiện bản thân? Vì sao phải tự hoàn thiện bản thân?

Trả lời:

- Tự hoàn thiện bản thân là vượt lên khó khăn, trở ngại, không ngừng lao động, học tập, tu dưỡng, rèn luyện, phát huy ưu điểm, khắc phục, sửa chữa khuyết điểm, học hỏi những điểm hay, điểm tốt của người khác để bản thân ngày một tốt hơn, tiến bộ hơn.
- Ai cũng cần phải tự hoàn thiện bản thân vì mỗi người đều có những điểm mạnh và hạn chế riêng, chẳng có ai hoàn thiện, hoàn mỹ. Mặt khác xã hội không ngừng phát triển, luôn đề ra những yêu cầu mới cao hơn đối với mỗi thành viên, vì vậy cần hoàn thiện mình để phát triển, đáp ứng những đòi hỏi của xã hội.
- Người không tự hoàn thiện bản thân sẽ dần lạc hậu và tự đào thải mình. Tự hoàn thiện bản thân là một phẩm chất quan trọng của người thanh niên trong xã hội hiện đại, giúp mỗi cá nhân, gia đình, cộng đồng ngày càng phát triển hơn.

Bài 2 (trang 114 sgk Giáo dục công dân 10): Em có suy nghĩ gì sau khi đọc mẫu chuyện dưới đây:

Thửa di học, Cao Bá Quát viết chữ rất xấu nên nhiều bài văn dù hay vẫn bị thầy cho điểm kém.

Một lần có bà cụ hàng xóm gặp một việc oan uổng nhờ Cao Bá Quát viết giúp cho lá đơn kêu quan. Cao Bá Quát vui vẻ nhận lời.

Lá đơn viết lí lẽ rõ ràng, Cao Bá Quát yên chí quan sẽ xét nổi oan cho bà cụ. Nào ngờ, chữ ông xấu quá, quan đọc không được nên thét lính đuổi bà ra khỏi huyện đường. Về nhà, bà kể lại câu chuyện khiến Cao Bá Quát vô cùng ân hận. Từ đó, ông dốc sức luyện chữ sao cho đẹp.

Sáng sáng, ông cầm que vạch lên cột nhà luyện chữ cho cứng cáp. Mỗi buổi tối, ông viết xong mười trang giấy mới chịu đi ngủ. Chữ viết đã tiến bộ, ông lại mượn những cuốn sách chữ viết đẹp làm mẫu để luyện nhiều kiểu chữ khác nhau.

Kiên trì luyện tập suốt mấy năm, chữ ông mỗi ngày một đẹp. Ông nổi tiếng khắp nước là người văn hay chữ tốt.

Trả lời:

- Cao Bá Quát là một tấm gương sáng đã nỗ lực luyện chữ, kiên trì vươn lên để tự hoàn thiện bản thân mình. Sự cố gắng của ông đã mang đến thành công cho bản thân ông và mang đến cho nền văn học Việt Nam những tác phẩm quý giá.

- Mỗi chúng ta đều phải luôn chú ý nhìn nhận những điểm mạnh và hạn chế của bản thân, tự giác học hỏi và rèn luyện để vươn lên hoàn thiện bản thân mình

Bài 3 (trang 115 sgk Giáo dục công dân 10): Em tán thành hay không tán thành các ý kiến sau? Tại sao?

a. Chỉ những người “có vấn đề” về đạo đức mới cần tự hoàn thiện bản thân.

b. Tự hoàn thiện bản thân là việc làm cần thiết nhưng không dễ dàng.

c. Tự hoàn thiện bản thân không phải là làm mất đi bản sắc riêng của mình.

d. Để tự hoàn thiện bản thân, điều quan trọng nhất là phải có sự hỗ trợ, giúp đỡ của những người xung quanh.

Trả lời:

a. Chỉ những người “có vấn đề” về đạo đức mới cần tự hoàn thiện bản thân.

+ Không đồng ý vì bất cứ ai cũng đều cần tự hoàn thiện bản thân để đáp ứng được những đòi hỏi của xã hội, nếu không sẽ dần lạc hậu và tự đào thải mình.

b. Tự hoàn thiện bản thân là việc làm cần thiết nhưng không dễ dàng.

+ Đồng ý. Tự hoàn thiện bản thân đòi hỏi những nỗ lực, cố gắng vượt qua những khó khăn, trở ngại, không ngừng học tập tu dưỡng, khắc phục những điểm yếu của bản thân. Vì vậy, nó không dễ dàng, nhưng khi làm được sẽ đạt được những thành quả to lớn.

c. Tự hoàn thiện bản thân không phải là làm mất đi bản sắc riêng của mình.

+ Đồng ý. Vì tự hoàn thiện bản thân là sự khắc phục, sửa chữa những điểm yếu của bản thân, học hỏi những điểm hay, điểm tốt của người khác để bản thân tiến bộ, hoàn thiện chứ không mất đi bản sắc của mình.

d. Để tự hoàn thiện bản thân, điều quan trọng nhất là phải có sự hỗ trợ, giúp đỡ của những người xung quanh.

+ Không đồng ý: Để tự hoàn thiện bản thân, sự hỗ trợ, giúp đỡ của những người xung quanh rất quan trọng. Nhưng quan trọng nhất phải là sự nỗ lực của bản thân như tự nhận thức, lập kế hoạch, xác định biện pháp, những thuận lợi, khó khăn, quyết tâm thực hiện,

Bài 4 (trang 115 sgk Giáo dục công dân 10): Em hãy lập kế hoạch phấn đấu, rèn luyện để tự hoàn thiện bản thân theo các mục sau:

- **Mục tiêu phấn đấu, rèn luyện tự hoàn thiện bản thân của em.**

- **Thời gian thực hiện mục tiêu.**

- **Những thuận lợi em đã có.**

- Những khó khăn em có thể gặp phải và cách khắc phục, vượt qua những khó khăn đó.
- Những biện pháp em cần làm để thực hiện mục tiêu.
- Em có thể tìm được sự hỗ trợ, giúp đỡ của ai để hoàn thành mục tiêu.

Trả lời:

Ví dụ:

- Mục tiêu trở thành học sinh giỏi trong năm học lớp 10
- Thời gian thực hiện: Ngay đầu năm học lớp 10
- Những thuận lợi em đã có: có vốn kiến thức chắc chắn từ các lớp dưới, khả năng ghi nhớ, sự chăm chỉ, ...
- Những khó khăn em có thể gặp phải và cách khắc phục, vượt qua những khó khăn đó: Thời gian học trên lớp và đi học thêm quá nhiều không có thời gian ôn luyện lại kiến thức hay sức khỏe không có.

Cách khắc phục:

- Phân bố lại thời gian học thêm để có thể có thời gian ôn luyện
- Ăn uống đủ chất, tập thể dục, để nâng cao sức khỏe bản thân
- Em có thể tìm được sự hỗ trợ, giúp đỡ của ai để hoàn thành mục tiêu: Sự giúp đỡ của bạn bè, thầy cô, gia đình

Bài 5 (trang 115 sgk Giáo dục công dân 10): Hãy sưu tầm và chia sẻ với bạn bè về các câu chuyện, tấm gương biết phấn đấu, rèn luyện tự hoàn thiện bản thân.

Trả lời:

Câu chuyện về Bác Hồ, Thầy Vĩnh Ký....